

Số: **315** /BC-UBND

Hà Nội, ngày **21** tháng **11** năm **2018**

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018; kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố năm 2019 của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện chương trình kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, Ban Cán sự UBND Thành phố báo cáo xin ý kiến của Thường trực Thành ủy tại báo cáo số 545/BC-BCS ngày 16/11/2018; ngày 19/11/2018, Thường trực Thành ủy nghe báo cáo và có ý kiến chỉ đạo, UBND Thành phố đã hoàn thiện, kính báo cáo HĐND Thành phố về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018 và đề xuất kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố năm 2019 của thành phố Hà Nội như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

I. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư đến 31/10/2018, ước thực hiện cả năm 2018

1. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 đã giao

Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 của thành phố Hà Nội giao đầu năm là 42.121,022 tỷ đồng, giao bổ sung trong năm là 627,525 tỷ đồng, tổng cộng vốn giao đến nay là 42.748,547 tỷ đồng; trong đó vốn ODA do trung ương cấp phát là 1.296,608 tỷ đồng, vốn ODA do Thành phố vay lại là 1.212,9 tỷ đồng, vốn trong nước là 40.239,039 tỷ đồng và được phân bổ như sau:

- (1) Vốn cho các quỹ, chi trả nợ, dự phòng,...: 8.076,516 tỷ đồng.
- (2) Vốn phân bổ cho các dự án đầu tư XD CB tập trung của Thành phố: 15.755,797 tỷ đồng, trong đó vốn ODA do trung ương cấp phát là 1.296,608 tỷ đồng, vốn ODA do Thành phố vay lại là 1.212,9 tỷ đồng, vốn trong nước là 13.246,289 tỷ đồng.
- (3) Chương trình đầu tư (Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông): 1.147,6 tỷ đồng.
- (4) Vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: 1.379 tỷ đồng.
- (5) Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 303,264 tỷ đồng.
- (6) Vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô: 342 tỷ đồng.
- (7) Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện: 1.661,545 tỷ đồng.
- (8) Vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 13.455,3 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện:

- Năm 2018, cùng với việc triển khai Kế hoạch kinh tế - xã hội, Thành phố và các quận, huyện, sở, ngành đã thực hiện giao Kế hoạch đầu tư công sớm ngay từ đầu tháng 12/2017. Việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật đầu tư công và Nghị quyết của HĐND Thành phố.

- Việc phân bổ kế hoạch và điều hành ngân sách chi đầu tư có nhiều tiến bộ. Thành phố đã tập trung nguồn lực giải quyết các dự án cấp bách, bức xúc, các công trình trọng điểm góp phần hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đã được UBND Thành phố giao.

- Thành phố luôn chủ động, điều hành cơ chế nguồn vốn linh hoạt cho công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường, hỗ trợ theo phương án GPMB được duyệt mà không phụ thuộc vào mức vốn kế hoạch bố trí cho dự án.

- Tiếp tục chỉ đạo, điều hành thực hiện cơ chế đặc thù về công tác GPMB các dự án đầu tư công nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án: (1) Bố trí vốn thực hiện công tác GPMB các công trình trọng điểm, cấp thiết cần đẩy nhanh tiến độ ngay sau khi dự án đầu tư được phê duyệt; (2) thực hiện cơ chế điều chuyển nhiệm vụ GPMB từ các Ban quản lý dự án đầu tư công trình xây dựng chuyên ngành của Thành phố về các quận, huyện, thị xã để nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính quyền cấp huyện trong công tác thực hiện bồi thường, GPMB các dự án đầu tư công của Thành phố; (3) Cơ chế ứng vốn quỹ phát triển đất của Thành phố thực hiện công tác GPMB các dự án, công trình trọng điểm, cấp thiết cấp Thành phố trong danh mục đầu tư công trung hạn cần đẩy nhanh tiến độ ngay sau khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Đẩy mạnh công tác phân cấp cho cấp huyện và ủy quyền cho các sở, ngành trong giải quyết các thủ tục đầu tư các dự án đầu tư công của Thành phố thông qua việc UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 quy định một số nội dung quản lý các dự án đầu tư một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội và một số văn bản chỉ đạo điều hành.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo, điều hành, định kỳ hàng quý họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và có các văn bản đôn đốc, thực hiện kiểm tra tiến độ hiện trường một số dự án, công trình trọng điểm; phân công các đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách các công trình trọng điểm theo lĩnh vực được phân công để có biện pháp kịp thời giải quyết ngay các khó khăn vướng mắc phát sinh.

- Thực hiện rà soát tình hình thực hiện các dự án, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án gặp vướng mắc không có khả năng thực hiện sang những dự án có tiến độ thực hiện tốt, có nhu cầu bổ sung vốn.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát của HĐND Thành phố về tình hình giao kế hoạch, giám sát chuyên đề về công tác đầu tư XDCB.

2.2. Kết quả thực hiện giải ngân đến 31/10/2018

Tính đến 31/10/2018, toàn Thành phố đã giải ngân được 21.729 tỷ đồng, đạt 50,8% KH đã giao và bằng 51,59% KH đầu năm, trong đó:

(1) Giải ngân vốn cho các quỹ, chi trả nợ: 6.581 tỷ đồng/KH 7.464 tỷ đồng, đạt 88,2% kế hoạch.

(2) Giải ngân vốn cho các dự án đầu tư XDCB tập trung của Thành phố: 4.464 tỷ đồng/KH 15.755,8 tỷ đồng, bằng 28,3% kế hoạch, trong đó vốn ODA cấp phát là 372,16 tỷ đồng/KH 1.296,608 tỷ đồng, bằng 28,7% kế hoạch; vốn ODA vay lại 515,48 tỷ đồng/KH 1.212,9 tỷ đồng, đạt 42,5%; vốn trong nước 3.576 tỷ đồng/KH 13.246,289 tỷ đồng, đạt 26% kế hoạch.

(3) Giải ngân vốn Chương trình đầu tư: 401,95 tỷ đồng/KH 1.147,6 tỷ đồng, bằng 35% kế hoạch.

(4) Giải ngân vốn một số dự án theo cơ chế đặc thù thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: 524 tỷ đồng/KH 1.379 tỷ đồng, bằng 38% kế hoạch.

(5) Giải ngân vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 303,264 tỷ đồng/KH 303,264 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

(6) Giải ngân vốn xổ số kiến thiết Thủ đô: 204 tỷ đồng/KH 342 tỷ đồng, bằng 59,8% kế hoạch.

(7) Giải ngân vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện: 1.037 tỷ đồng/KH 1.661,545 tỷ đồng, bằng 62,39% kế hoạch.

(8) Giải ngân vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 8.241 tỷ đồng/KH 13.455,3 tỷ đồng, bằng 61,2% kế hoạch.

* Ước giải ngân cả năm 2018 đạt khoảng 90% vốn kế hoạch giao.

2.3. Kết quả tiến độ thực hiện các dự án

a) Các dự án vốn XDCB tập trung cấp Thành phố

Tổng số dự án giao kế hoạch vốn là 148 dự án, trong đó 85 dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành năm 2018; 10 dự án bố trí vốn thực hiện thiết kế và công tác giải phóng mặt bằng để khởi công năm 2019. Trong năm 2018, dự kiến hoàn thành là 51 dự án, số dự án chưa hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện¹; cụ thể:

a1) Các công trình trọng điểm:

Năm 2018, Thành phố tập trung bố trí vốn đầu tư 11 dự án/công trình trọng điểm. Trong năm hoàn thành đưa vào sử dụng 01 công trình (Xây dựng cầu vượt tại nút An Dương - Đường Thanh Niên) và Hạng mục cải tạo Nút giao Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc thuộc Dự án Nút giao Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc² góp phần hạn chế ùn tắc giao thông.

a2) Các dự án ngoài trọng điểm:

Năm 2018 Thành phố bố trí vốn để thực hiện đầu tư 137 dự án, dự kiến hoàn thành 50 công trình/dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của Thành phố, trong đó:

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề: Hoàn thành 06 dự án, gồm: 01 trường mầm non tại khu nhà ở công nhân (xã Kim Chung, huyện Đông Anh, 02 trường trung học phổ thông, 01 trường đội (Lê Duẩn) và 02 trường dạy nghề với tổng số 76 phòng học được xây dựng mới, góp phần nâng cao số lượng trường chuẩn, cải thiện chất lượng dạy và học.

- Lĩnh vực y tế: Hoàn thành 03 dự án cải tạo, nâng cấp các bệnh viện Sóc Sơn, Đông Anh và bệnh viện tâm thần Mỹ Đức (không tăng thêm số giường bệnh), góp phần cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

¹ Trong đó 12 dự án không phải bố trí vốn KH2019 mà sử dụng vốn KH2018 kéo dài.

² Chưa bao gồm 01 công trình hoàn thành trong năm 2018 sử dụng nguồn vốn ngân sách quận Thanh Xuân: Công viên hồ điều hòa Nhân Chính, quận Thanh Xuân.

- Lĩnh vực văn hóa thể thao: Hoàn thành 02 dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử (trong đó có di tích đền Ngọc Sơn), góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

- Lĩnh vực giao thông: Hoàn thành 18 dự án, góp phần tăng thêm 40,17km đường giao thông, 9 cầu vượt sông; từng bước cải thiện hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố.

- Lĩnh vực đô thị: Hoàn thành 09 dự án, gồm: 07 dự án kè chống sạt lở với tổng chiều dài 6,24 km; 02 dự án cải tạo nâng cấp đê với tổng chiều dài 3,24 km.

- Lĩnh vực thủy lợi: Hoàn thành 03 dự án, gồm: 02 dự án xây dựng trạm bơm góp phần chủ động tưới cho 4668 ha và 01 dự án cải tạo, nâng cấp kênh, mương với chiều dài 6,6 km.

- Lĩnh vực công nghiệp: Hoàn thành 05 dự án, gồm 04 dự án đường giao thông với tổng chiều dài 6,3 km, 01 dự án thoát nước với công suất 18.000 m³/h góp phần cải tạo và hoàn thiện hệ thống hạ tầng tại các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn Thành phố.

- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước: Hoàn thành 02 dự án, gồm: 01 dự án cải tạo, cống hóa mương (Vĩnh Tuy) góp phần chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường và 01 dự án xây dựng vườn ươm (Song Phượng) tạo nguồn cây xanh đô thị cho Thành phố.

- Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng và các đoàn thể: Hoàn thành 02 dự án xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 7 và số 16 trực thuộc Cục Quản lý thị trường Hà Nội.

b) Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông: Hoàn thành 02 dự án (công trình trọng điểm cải tạo nút giao Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch và cải tạo, chỉnh trang khu vực nút giao đầu cầu phía Bắc cầu Chương Dương).

c) *Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu:* Kế hoạch 2018 Thành phố hỗ trợ quận, huyện và thị xã phân bổ cho 109 dự án; dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng trong năm 72 dự án, trong đó: 21 dự án đường giao thông nông thôn với 64,5km được xây mới, cải tạo, nâng cấp đưa vào lưu thông, 45 trường học được đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp nhằm tiến tới đạt chuẩn quốc gia, 06 công trình văn hóa và y tế. Các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư, góp phần nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo chỉ đạo của Thành phố, nâng tỷ lệ tiêu chí cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

1. Tồn tại, hạn chế: Số dự án hoàn thành trong năm thấp hơn dự kiến, chỉ đạt 51/85 dự án; tỷ lệ giải ngân chậm, nhất là trong những tháng đầu năm, dự kiến năm 2018 chỉ giải ngân đạt 90% kế hoạch vốn giao.

2. Nguyên nhân:

- Quy định của pháp luật Đầu tư công về việc điều kiện bố trí vốn thực hiện dự án khởi công mới phải đảm bảo có quyết định phê duyệt dự án đến ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch làm chậm tiến độ triển khai và giải ngân kế hoạch vốn giao do 6 tháng đầu năm phải hoàn thiện thủ tục đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán công trình;

- Tiến độ giải phóng mặt bằng của nhiều dự án còn chậm ảnh hưởng tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn giao, nhất là các dự án xây dựng, mở rộng công trình kết cấu hạ tầng giao thông;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án (nhóm các dự án đầu tư xây dựng bệnh viện) tạm dừng triển khai để điều chỉnh, thay đổi thiết kế đảm bảo công năng, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng của công trình;

- Sự phối hợp giữa các sở, ngành; giữa sở, ngành với các chủ đầu tư và các quận, huyện, thị xã trong giải quyết các thủ tục đầu tư, xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc còn thiếu chủ động và chưa được kịp thời (trước thời điểm UBND Thành phố ban hành Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND, công tác thẩm định dự án, thiết kế - dự toán công trình từ nhóm C trở lên tập trung vào đầu mỗi các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành; phòng Quản lý đô thị cấp huyện chỉ được phân cấp thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình).

- Trong điều hành và triển khai thực hiện các dự án, một số chủ đầu tư và cán bộ quản lý dự án còn thiếu quyết liệt, chưa chủ động và còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ.

III. Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018:

Thực hiện kết luận Kiểm toán Nhà nước năm 2016, UBND Thành phố rà soát, đánh giá khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn XDCB năm 2018, trên cơ sở đó sử dụng nguồn vốn không có khả năng thực hiện và giải ngân trong niên độ ngân sách năm 2018, không thuộc đối tượng được phép kéo dài thực hiện và thanh toán sang năm 2019 của các dự án theo quy định của pháp luật Đầu tư công để thanh toán hoàn trả ngân sách 04 quận đã ứng cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố trên địa bàn và hoàn trả kinh phí ngân sách Thành phố đã tạm ứng từ nguồn cải cách tiền lương năm 2013 của 06 quận. Cụ thể như sau:

1. Sau khi rà soát và đánh giá khả năng thực hiện, dự kiến số vốn kế hoạch đầu tư đã bố trí không giải ngân hết khoảng 3.500 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn bố trí cho các dự án XDCB tập trung dự kiến không giải ngân hết khoảng: 2.500 tỷ đồng.

- Dự phòng kế hoạch đầu tư công giao đầu năm 2018 là 1.990 tỷ đồng; đã và dự kiến sử dụng 1.590 tỷ đồng, còn dư 400 tỷ đồng (trong năm 2018, Thành phố đã sử dụng 1.000 tỷ đồng bổ sung nguồn cho quỹ phát triển đất tại Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 16/6/2018 của UBND Thành phố; Thành phố đã phân bổ và sử dụng 277 tỷ đồng, dự kiến cả năm sử dụng 590 tỷ đồng³).

- Số vốn đã điều chỉnh giảm của các dự án tại Quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND Thành phố để bố trí cho 05 dự án HTKT khu tái định cư nhưng các dự án không chuẩn bị kịp thủ tục theo quy định nên sẽ dư ra là 375 tỷ đồng.

- Số vốn bố trí để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư năm 2018 là 150 tỷ đồng, đến nay giải ngân 12,3 tỷ đồng, dự kiến cả năm giải ngân khoảng 50 tỷ đồng nên sẽ dư khoảng 100 tỷ đồng.

³ Nhu cầu vốn để tiếp tục thực hiện GPMB dự án đường vành đai III Mai Dịch – cầu Thăng Long: 270 tỷ đồng.

2. Phương án đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2018:

a) Điều chỉnh giảm vốn: 921,218 tỷ đồng, gồm:

- Giảm mức vốn bố trí của 4 dự án đã hoàn thành, không sử dụng hết kế hoạch vốn đã bố trí: 32,4 tỷ đồng.

- Giảm mức vốn CBĐT: 100 tỷ đồng.

- Giảm kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho huyện Gia Lâm thực hiện đầu tư 01 dự án, số kinh phí giảm 15,75 tỷ đồng.

- Vốn đã giảm của các dự án tại Quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND Thành phố để bố trí cho 05 dự án HTKT khu tái định cư nhưng không bố trí được do không chuẩn bị kịp thủ tục điều chỉnh nguồn vốn theo quy định: 375 tỷ đồng.

- Giảm dự phòng kế hoạch đầu tư năm 2018: 398,068 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh tăng vốn: 921,218 tỷ đồng.

- Bổ sung danh mục và vốn cho 11 dự án để hoàn trả ngân sách 04 quận (Ba Đình, Cầu Giấy, Long Biên, Hai Bà Trưng) đã ứng cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố trên địa bàn: 550,763 tỷ đồng.

- Bố trí ngân sách Thành phố hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho huyện Gia Lâm thực hiện đầu tư 01 dự án, số kinh phí 15,75 tỷ đồng.

- Hoàn trả kinh phí ngân sách Thành phố đã tạm ứng từ nguồn cải cách tiền lương năm 2013 của 06 quận (Ba Đình, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Thanh Xuân) là 354,705 tỷ đồng.

c) Điều chỉnh phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các hợp phần và dự án thành phần của Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng - thành phố Hà Nội.

Phần II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2019

I. Khả năng cân đối nguồn vốn năm 2019

Theo Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 và khả năng cân đối ngân sách Thành phố, nguồn vốn đầu tư phát triển cấp Thành phố năm 2019 là **29.019,503 tỷ đồng**, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển cân đối NSDP là 27.730,427 tỷ đồng, trong đó:

- + Vốn đầu tư XDCB tập trung trong cân đối là 9.690,517 tỷ đồng;

- + Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 15.137,910 tỷ đồng.

- + Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 376 tỷ đồng

- + Vốn đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương (vốn ODA vay lại): 2.526 tỷ đồng.

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW là 1.289,076 tỷ đồng, bao gồm:

- + Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu là 176,92 tỷ đồng;

- + Vốn nước ngoài (ODA) là 1.112,156 tỷ đồng.

II. Mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2019

1. Mục tiêu, định hướng: Thực hiện theo đúng mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016, cụ thể:

1.1. Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, góp phần hoàn thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020.

1.2. Định hướng:

a) Tập trung bố trí vốn bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố, các công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 và các dự án thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2020, tầm nhìn 2030; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

b) Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã để thực hiện các dự án có ý nghĩa về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, hỗ trợ đặc thù ngân sách cấp huyện để xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa phương phục vụ giải phóng mặt bằng và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng bãi rác thải tập trung của Thành phố. Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc ngành dọc quốc phòng, an ninh, phòng cháy chữa cháy và tư pháp theo Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, ý kiến của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 5168/VPCP-KTTH ngày 24/6/2016 và 1500/TTg-KTN ngày 22/8/2016.

2. Nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn

Thực hiện tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công và nguyên tắc phân bổ, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016, cụ thể:

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Thành phố;

b) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của các quận, huyện, thị xã.

e) Bố trí vốn đầu tư tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: Dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm/quy định 5-8 năm, dự án nhóm A phần đầu thực hiện trong 5 năm.

2.1. Thứ tự ưu tiên:

a) Bố trí đủ vốn hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước, các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

b) Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA) và bố trí vốn thanh toán cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án XDCB tập trung của Thành phố và các dự án dự kiến thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP).

c) Bố trí vốn cho các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định.

d) Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

e) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020;

f) Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, nếu còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án cấp thiết khởi công mới trong giai đoạn 2019-2020.

III. Phương án phân bổ kế hoạch năm 2019

Tổng vốn đầu tư phát triển của cấp Thành phố là **29.019,503 tỷ đồng** trong đó: vốn ODA là 1.112,156 tỷ đồng, vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách là 2.526 tỷ đồng, vốn Trung ương trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu 176,92 tỷ đồng và được phân bổ thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu cụ thể như sau:

1. Bố trí vốn thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công là 22.933,219 tỷ đồng (chiếm 79,0% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2019 của Thành phố), trong đó:

1.1. Bố trí nguồn vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng là 1.965,931 tỷ đồng, cụ thể:

- Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2018 chưa bố trí nguồn để thu hồi: 170,636 tỷ đồng.

- Hoàn trả kinh phí ngân sách Thành phố đã ứng từ nguồn cải cách tiền lương của các Quận năm 2013 (6 quận): 545,295 tỷ đồng.

- Vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành là 250 tỷ đồng.

- Dự phòng kế hoạch đầu tư công: 1.000 tỷ đồng.

1.2. Vốn phân bổ cho các dự án đầu tư XDCB tập trung của Thành phố, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 20.967,288 tỷ đồng (chiếm 72,3% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố), bao gồm:

a) Các dự án XDCB tập trung của Thành phố:

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 16.507,654 tỷ đồng (chiếm 56,9% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố), trong đó vốn trong nước là 12.869,498 tỷ đồng, vốn ODA do Trung ương cấp phát là 1.112,16 tỷ đồng, vốn ODA do Thành phố vay lại là 2.526 tỷ đồng; trong đó bố trí 7.622,549 tỷ đồng cho 16 công trình trọng điểm của Thành phố, đạt 49,5%.

- Tổng vốn dự kiến cân đối bố trí cho 185 dự án (7.071,798 tỷ đồng bố trí cho 69 dự án chuyển tiếp và 8.123,700 tỷ đồng bố trí cho 116 dự án khởi công mới); cụ thể phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án thuộc các lĩnh vực như sau:

(1) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 591 tỷ đồng (chiếm 2% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 13 dự án, gồm 3 dự án chuyển tiếp, 10 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 12 dự án.

(2) Lĩnh vực quốc phòng: 374 tỷ đồng (chiếm 1,3% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 4 dự án, gồm 3 dự án chuyển tiếp, 01 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 04 dự án.

(3) Lĩnh vực an ninh: 1.063,5 tỷ đồng (chiếm 3,7% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 38 khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 28 dự án.

(4) Lĩnh vực y tế: 568 tỷ đồng (chiếm 2,0 % tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 7 dự án, gồm 4 dự án chuyển tiếp, 03 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 02 dự án.

(5) Lĩnh vực văn hóa thông tin: 39 tỷ đồng (chiếm 0,1% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 03 dự án chuyển tiếp. Dự kiến trong năm hoàn thành 02 dự án.

(6) Lĩnh vực môi trường: 459 tỷ đồng (chiếm 1,6% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 5 dự án, gồm 3 dự án chuyển tiếp, 2 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 02 dự án.

(7) Lĩnh vực hoạt động kinh tế (giao thông, thủy lợi, thương mại, hạ tầng khác,...): 11.550,998 tỷ đồng (chiếm 39,8% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 108 dự án, gồm 50 dự án chuyển tiếp, 58 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 60 dự án.

(8) Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 352 tỷ đồng (chiếm 1,2% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 3 dự án, gồm 2 dự án chuyển tiếp, 01 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 02 dự án.

(9) Lĩnh vực khác: 198 tỷ đồng (chiếm 0,7% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố) cho 4 dự án, gồm 01 dự án chuyển tiếp, 03 dự án khởi công mới năm 2019. Dự kiến trong năm hoàn thành 02 dự án.

- Bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án quy hoạch theo Luật Quy hoạch: 100 tỷ đồng.

- Cân đối bố trí 100 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...) để lập, thẩm định, quyết định chủ trương, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong năm 2019. Thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị đầu tư trong tổng nguồn vốn giao cho công tác này theo dự toán được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án và đảm bảo điều kiện theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP.

b) Vốn bố trí cho CTMTQG về Xây dựng nông thôn mới và CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông: 1.206,2 tỷ đồng (chiếm 4,2% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố), cụ thể:

- CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 1.187,2 tỷ đồng.

- CTMT Thành phố Giảm thiểu ùn tắc giao thông: Cân đối bố trí 19 tỷ đồng để hoàn thành 01 dự án chuyển tiếp.

c) Về hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã: Kế hoạch năm 2019, ngân sách Thành phố cân đối bố trí là 2.015,434 tỷ đồng (chiếm 6,9% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố), cụ thể:

- Hỗ trợ có mục tiêu cho 18 huyện và thị xã: 78 dự án với kinh phí là 1.498,5 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong năm 41 dự án (có 01 dự án điều chỉnh thời gian bố trí vốn từ năm 2020 so với dự kiến trong Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố sang năm 2019 và UBND Thành phố đã báo cáo cụ thể tại Tờ trình cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, đề nghị HĐND Thành phố chấp thuận phân bổ kế hoạch 2019 theo phương án trên).

- Hỗ trợ một số huyện 376 tỷ đồng từ nguồn vốn xổ số kiến thiết Thủ đô để xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 27 dự án lĩnh vực giáo dục và y tế; dự kiến hoàn thành trong năm 22 dự án. Nguồn vốn xổ số năm 2019 tăng thêm so với dự kiến tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố là 152 tỷ đồng (UBND Thành phố đề nghị HĐND Thành phố chấp thuận phân bổ vốn cho các dự án trong danh mục giai đoạn 2018-2020 đã được HĐND quyết nghị đủ thủ tục đầu tư theo quy định để tập trung triển khai, sớm hoàn thành, đưa công trình vào khai thác sử dụng).

- Hỗ trợ đặc thù cho 02 huyện Ba Vì, Sóc Sơn: 140,9 tỷ đồng.

d) Bố trí vốn thực hiện 04 dự án theo cơ chế đặc thù của 03 quận (Cầu Giấy, Long Biên và Hoàng Mai): 1.238 tỷ đồng (chiếm 4,3% tổng vốn đầu tư công năm 2019 của Thành phố).

Kết quả, trong năm 2019 với phương án phân bổ vốn đầu tư trên sẽ có khoảng 211 dự án được đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, trong đó hoàn thành 114 dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố, 02 dự án thuộc Chương trình mục tiêu và 95 dự án cấp huyện được NSTP hỗ trợ đầu tư.

2. Cân đối bố trí cho nhiệm vụ đầu tư phát triển không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công là 6.086,284 tỷ đồng (chiếm 21,0% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2019 của cấp Thành phố), bao gồm:

(1) Bổ sung vốn và hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ phát triển đất): 2.200 tỷ đồng.

(2) Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT là 3.000 tỷ đồng.

(3) Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm: 450 tỷ đồng.

(4) Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 30 tỷ đồng.

(5) Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp là 150 tỷ đồng.

(6) Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hoàn trả kinh phí GPMB đối với các dự án xã hội hóa: 150 tỷ đồng.

(7) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 6,284 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu).

(8) Hỗ trợ địa phương bạn là 100 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục từ I.1-I.7 kèm theo)

IV. Một số giải pháp trong xây dựng và điều hành kế hoạch năm 2019

Để tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các công trình, dự án đầu tư thực hiện đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đề ra; năm 2019 Thành phố tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư theo hướng chuyển đầu tư từ ngân sách nhà nước sang thực hiện xã hội hóa đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn thông qua thu giá, phí dịch vụ thuộc các lĩnh vực: cấp nước, bãi đỗ xe, xử lý chất thải, nước thải; hạ tầng CNTT; xây dựng nhà tái định cư theo cơ chế xã hội hóa, đặt hàng doanh nghiệp... đồng thời xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước theo quy định để huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, giảm nguồn chi ngân sách.

2. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế - dự toán công trình các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật Đầu tư công, Xây dựng trên cơ sở quá trình thẩm định và soát kỹ sự cần thiết, quy mô đầu tư của từng dự án, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, phù hợp với khả năng nguồn vốn.

3. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XDCB:

Kho bạc Nhà nước Hà Nội phối hợp Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XDCB, vốn GPMB của các dự án theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán niên độ năm ngân sách.

4. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB các dự án:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế ứng vốn quỹ phát triển đất Thành phố để thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án, công trình trọng điểm, dự án cấp bách, cấp thiết của cấp Thành phố cần sớm triển khai, đã được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, có trong danh mục và được cân đối bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2016-2020 theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy Hà Nội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp khi chuyển giao nhiệm vụ GPMB các dự án từ các Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành của Thành phố về các quận, huyện, thị xã nhằm đẩy nhanh tiến độ triển GPMB.

- UBND Thành phố sẽ thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB, yêu cầu các Bí thư, Chủ tịch quận huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án chuyển tiếp xây dựng quỹ nhà tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước; phát triển quỹ nhà tái định cư tái định cư theo hướng đặt hàng để doanh nghiệp đầu tư và khuyến khích người dân nhận chế độ tái định cư bằng tiền theo quy định tại Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND Thành phố.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ GPMB, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định cụ thể, chi tiết từng trường hợp vướng mắc và có phương án xử lý kịp thời; Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB hiểu, đồng thuận và chấp hành chủ trương GPMB của nhà nước; Thực hiện công tác GPMB công khai, minh bạch, đúng luật, đảm bảo công bằng, chính xác.

5. Giao và điều hành Kế hoạch 2019

- Giao Kế hoạch theo dự toán, trong đó từng công trình phải đảm bảo vốn GPMB, xây lắp và chi phí khác theo tiến độ XD CB. Thực hiện điều hành cơ chế giải ngân linh hoạt đối với vốn thực hiện công tác bồi thường, GPMB các dự án XD CB tập trung cấp Thành phố.

- Điều hành kế hoạch XD CB theo khả năng nguồn thu, thực hiện các cơ chế linh hoạt để đảm bảo đủ vốn cho các dự án trọng điểm.

- Xây dựng tiến độ cụ thể chi tiết từng loại công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình đảm bảo triển khai các dự án đầu tư XD CB ngay từ đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

- Định kỳ tháng, quý giao ban XD CB cấp Thành phố để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển thực hiện các dự án. Thành lập Tổ công tác đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn XD CB năm 2019; các đồng chí PCT UBND Thành phố theo lĩnh vực được phân công phụ trách chỉ đạo quyết liệt triển khai các công trình trọng điểm để có biện pháp kịp thời giải quyết ngay các khó khăn vướng mắc phát sinh.

Trên đây là nội dung báo cáo Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố năm 2019 của thành phố Hà Nội, UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét và thông qua./. *JS*

Nơi nhận: *JS*

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- VPUB: CVP, PCVP, TKBT, KT;
- Lưu: VT, KTCông. *JS*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *JS*



Nguyễn Đức Chung

Phụ lục I.1
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019 CỦA CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 (Kèm theo Báo cáo: **315** /BC-UBND ngày **21** /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	329	211	29.019.503	100,0%	24.828.427	176.920	1.112.156	2.526.000	376.000	
A	CHI ĐẦU TƯ CÔNG (BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG)	329	211	22.933.219	79,0%	18.748.427	170.636	1.112.156	2.526.000	376.000	
A1	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng			1.965.931	6,8%	1.795.295	170.636				
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2018 chưa bố trí nguồn để thu hồi			170.636			170.636				Đề xuất theo đúng số thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Hoàn trả kinh phí ngân sách Thành phố đã ứng từ nguồn cải cách tiền lương của các Quận năm 2013			545.295		545.295					
3	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành			250.000		250.000					
4	Dự phòng			1.000.000		1.000.000					
A2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	329	211	20.967.288	72,3%	16.953.132		1.112.156	2.526.000	376.000	
I	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	185	114	16.507.654	56,9%	12.869.498		1.112.156	2.526.000		Phụ lục I.2
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	16	5	7.622.549	49,5%	5.126.549			2.496.000		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	35	20	5.274.145		2.774.145			2.500.000		
2	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	11	8	477.653		451.653			26.000		
3	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	23	17	1.320.000		1.320.000					
4	Dự án khởi công mới năm 2019	116	69	8.123.700		8.123.700					
5	Bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án quy hoạch theo Luật Quy hoạch			100.000		100.000					
6	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)			100.000		100.000					Thực hiện giải ngân theo cơ chế linh hoạt
7	Vốn ODA trung ương cấp phát chưa phân bổ			1.112.156				1.112.156			Vốn ODA cấp phát sẽ phân bổ chi tiết sau khi TƯ giao kế hoạch chính thức

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề	13	12	591.000	2,0%	591.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	3	3	90.000		90.000					
	Dự án khởi công mới năm 2019	10	9	501.000		501.000					
2	Lĩnh vực khoa học công nghệ										
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018										
	Dự án khởi công mới năm 2019										
3	Lĩnh vực quốc phòng	4	4	374.000	1,3%	374.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	1	1	24.000		24.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	2	2	162.000		162.000					
	Dự án khởi công mới năm 2019	1	1	188.000		188.000					
4	Lĩnh vực an ninh	38	28	1.063.500	3,7%	1.063.500					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018										
	Dự án khởi công mới năm 2019	38	28	1.063.500		1.063.500					
5	Lĩnh vực y tế	7	2	568.000	2,0%	568.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	265.000		265.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2		100.000		100.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018										
	Dự án khởi công mới năm 2019	3	1	203.000		203.000					
6	Lĩnh vực văn hóa thông tin	3	2	39.000	0,1%	39.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	30.000		30.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	9.000		9.000					
	Dự án khởi công mới năm 2019										
7	Lĩnh vực môi trường	5	2	459.000	1,6%	459.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		200.000		200.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	11.000		11.000					
	Dự án khởi công mới năm 2019	2	1	248.000		248.000					
8	Các hoạt động kinh tế	108	60	11.550.998	39,8%	9.024.998			2.526.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	27	17	4.507.145							

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	8	7	353.653							
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	15	9	978.000							
	Dự án khởi công mới năm 2019	58	27	5.712.200							
a	Lĩnh vực giao thông	78	41	9.781.042		7.255.042			2.526.000		
b	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	7	4	381.207		381.207					
c	Lĩnh vực đê điều	5	4	247.000		247.000					
d	Lĩnh vực thủy lợi	17	10	1.124.549		1.124.549					
e	Lĩnh vực công nghiệp										
f	Lĩnh vực thương mại	1	1	17.200		17.200					
9	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3	2	352.000	1,2%	352.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1	192.000		192.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	70.000		70.000					
	Dự án khởi công mới năm 2019	1		90.000		90.000					
10	Lĩnh vực khác	4	2	198.000	0,7%	198.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		80.000		80.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016										
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018										
	Dự án khởi công mới năm 2019	3	2	118.000		118.000					
III	Chương trình mục tiêu	2	2	1.206.200	4,2%	1.206.200					Phụ lục I.3
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	1	1	1.187.200		1.187.200					
2	CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông	1	1	19.000		19.000					
IV	Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	138	95	2.015.434	6,9%	1.639.434				376.000	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã	78	41	1.498.500		1.498.500					Phụ lục I.4
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	27	22	376.000						376.000	Phụ lục I.5
3	Hỗ trợ đặc thù	33	32	140.934		140.934					Phụ lục I.6

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
V	Bổ trí vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù	4		1.238.000	4,3%	1.238.000					Phụ lục I.7
1	UBND quận Cầu Giấy	1		530.000		530.000					
2	UBND quận Hoàng Mai	2		453.000		453.000					
3	UBND quận Long Biên	1		255.000		255.000					
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC (BỔ TRÍ VỐN CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC)			6.086.284	21,0%	6.080.000	6.284				
1	Bổ sung vốn và hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ phát triển đất; trong đó: bổ sung 1.400 tỷ đồng, hoàn trả: 8.000 tỷ đồng).			2.200.000		2.200.000					
2	Ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT			3.000.000		3.000.000					
3	Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm			450.000		450.000					
4	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân			30.000		30.000					
5	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp (bao gồm hỗ trợ lãi suất cho các dự án XHH, điện nông thôn,...)			150.000		150.000					
6	Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hoàn trả kinh phí GPMB đối với các dự án xã hội hóa			150.000		150.000					
7	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ			6.284			6.284				Đề xuất theo đúng số thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Hỗ trợ địa phương bạn			100.000		100.000					

Phụ lục I.2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo: 315/BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.																		
STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	16	112	57					142.529.527	31.926.180	19.311.303	12.615.544	12.077.434	7.869.493	15.195.498	114		
	Vốn ODA cấp phát								38.606.886	4.927.989	2.458.917	2.469.072	1.165.608	877.315				
	Vốn ODA vay lại								19.751.346	1.679.562		1.679.562	1.135.338	1.132.638	2.526.000			
	Vốn trong nước								84.171.295	25.318.629	16.852.386	8.466.910	9.776.488	5.859.540	12.669.498			
	* Bố trí vốn dự án trọng điểm	2	2						94.991.676	16.228.359	6.837.349	9.391.010	8.363.696	4.873.393	7.622.549	5		
	Trong đó:																	
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	11	22	2					110.605.628	29.361.475	19.267.397	10.094.745	9.057.934	5.383.493	5.274.145	20		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2	7	2					4.952.465	2.295.609	25.279	2.270.330	653.000	664.500	477.653	8		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018	2	18	3					5.784.341	263.906	15.076	248.830	2.140.000	1.595.000	1.320.000	17		
	Dự án khởi công mới 2019	1	65	50					21.187.094	5.189	3.551	1.638	226.500	226.500	8.123.700	69		
	Chi tiết theo từng lĩnh vực																	
I	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề		11	2					1.049.168									
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015												70.000	70.000	591.000	12		
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016																	
c	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2018		3						221.700				70.000	70.000	90.000	3		
1	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng		1		Hai Bà Trưng	2018-2019	21 phòng học	6732/QĐ-UBND 07/11/2013	54.826						15.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	Dự án đã giải ngân 30 tỷ KH 2017 kéo dài thanh toán sang 2018
2	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Xuân Đình		1		Bắc Từ Liêm	2018-2019	20 phòng học, nhà Hiệu bộ	5012/QĐ-UBND 31/10/2012	50.000				20.000	20.000	25.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
3	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh		1		Thanh Trì	2018-2019	20 phòng học, nhà Hiệu bộ	DA: 4990/QĐ-UBND 31/10/2012	116.874				50.000	50.000	50.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
d	Dự án khởi công mới năm 2019		8	2					827.468						501.000	9		
1	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Bát Bạt		1		Ba Vì	2018-2020	XD nhà hiệu bộ, đa năng, cải tạo các hạng mục hiện có	5921/QĐ-UBND 31/10/2018	40.000						36.000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ngô Quyền		1		Ba Vì	2018-2020	26 phòng học và hạng mục phụ trợ	5920/QĐ-UBND 31/10/2018	37.900						34.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng Trường THPT Minh Hà, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2020	18 phòng học, 6 bộ môn, hiệu bộ, phụ trợ	5929/QĐ-UBND 31/10/2018	75.545						67.000	1	UBND huyện Thạch Thất	GPMB 14.500 tr d
4	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Phùng Khắc Khoan, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2020	26 phòng học, 6 bộ môn, hiệu bộ, đa năng, phụ trợ	5930/QĐ-UBND 31/10/2018	55.900						50.000	1	UBND huyện Thạch Thất	GPMB 5700 tr d

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Xây dựng mới Trường PTTH Nguyễn Văn Trỗi, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2019-2021	2025 học sinh	5013/QĐ-UBND 31/10/2012	183.866						50.000		UBND huyện Chương Mỹ	CĐT rà soát quy mô, điều chỉnh dự án
6	Xây dựng trường mầm non trong khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội			1	Chương Mỹ	2018-2019	Xây mới nhà lớp học, hiệu bộ 2 tầng	8005/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	13.814						12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ			1	Phúc Thọ	2019-2020	6.270 m2	5928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	29.999						27.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
8	Xây dựng Trường THPT Thường Tín, huyện Thường Tín ở vị trí mới		1		Thường Tín	2019-2020	24 phòng học, 8 bộ môn, hiệu bộ, nhà thể chất, phụ trợ	5976/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	106.900						97.000	1	UBND huyện Thường Tín	
9	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình		1		Nam Từ Liêm	2019	Xây dựng trường mới 30 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ	4012/QĐ-UBND 7/9/2018	175.018						30.000	1	UBND quận Nam từ Liêm	NSTP đầu tư 30 tỷ, còn lại NS Quận theo văn bản 1128/UBND-KH&ĐT ngày 15/3/2017; TP giao Quận phê duyệt DA, dự kiến đủ thủ tục vào 30.10
10	Xây dựng mới Trường THPT Quốc Oai		1		Quốc Oai	2018-2020	27 phòng học, 6 phòng bộ môn...	5913/QĐ-UBND 30/10/2018	108.526						98.000	1	UBND huyện Quốc Oai	XD trường học mới đạt chuẩn do trường cũ quy mô chật hẹp và đồng thời di chuyển trường THCS vào trường cũ để xây dựng thành THCS chất lượng cao. Huyện Quốc Oai phân đấu có một cụm trường liên cấp Mầm non - Tiểu học - THCS chất lượng cao
II	Lĩnh vực quốc phòng	2	2						585.676	38.000			38.000	113.000	113.000	374.000	4	
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	1							95.676	38.000			38.000	18.000	18.000	24.000	1	
1	STN.01.1	1			Hà Nội	2015-2019		230/QĐ-UBND 30/10/2013 266/QĐ-UBND 14/11/2017	95.676	38.000		38.000	18.000	18.000	24.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
b	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018	1	1						270.000				95.000	95.000	162.000	2		
1	Doanh trại Tiểu đoàn trinh sát 20/BTL Thủ đô		1		Nam Từ Liêm	2017-2019	5222 m2 + hạng mục phụ trợ	3818/QĐ-BQP 16/9/2017	75.000				45.000	45.000	27.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
2	Kho cất chứa vũ khí trang bị K90, K91/BTL Thủ đô	1			Chương Mỹ, Sóc Sơn	2017-2019	9275 m2 + hạng mục phụ trợ	5487/QĐ-BQP 31/12/2016	195.000				50.000	50.000	135.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
c	Dự án khởi công mới 2019		1						220.000						188.000	1		
1	Mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình cho Đại đội PCCC, phòng hóa/ Bộ Tham mưu và Tiểu đoàn 5/Trung đoàn 692/ Sư đoàn BB301/BTL Thủ đô		1		Hà Nội	2019-2020	29 loại trang thiết bị	5902/QĐ-UBND 30/10/2018	220.000						188.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
III	Lĩnh vực an ninh	17	21						1.811.882				10.000	10.000	1.063.500	28		
	Dự án khởi công mới 2019	17	21						1.811.882				10.000	10.000	1.063.500	28		
1	Xây dựng trụ sở Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 13 (Đan Phượng) thuộc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Hà Nội		1		Đan Phượng	2018-2020	1,343 m2, công trình C3	3593/QĐ-UBND 16/7/2018	49.617				10.000	10.000	35.000	1	Ban QLDAĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Bổ trí KH 2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Đồng Ngạc, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Bắc Từ Liêm	2018-2019	716m2 Xd+TB	4463/QĐ-UBND 24/8/2018	6.277						5.600	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Bắc Từ Liêm	2018-2019	699m2 Xd+TB	4462/QĐ-UBND 24/8/2018	6.601						6.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Bắc Từ Liêm	2018-2019	716m2 Xd+TB	4652/QĐ-UBND 05/9/2018	6.123						5.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
5	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Nam Từ Liêm	2018-2019	715m2 Xd+TB	4656/QĐ-UBND 05/9/2018	8.735						8.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
6	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Sơn Tây	2018-2019	855m2 Xd+TB	4115/QĐ-UBND 10/8/2018	8.313						7.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
7	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đồn Công an Tiên Phong, khu đô thị Hà Phong, huyện Mê Linh thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Mê Linh	2018-2019	657m2 Xd+TB	4781/QĐ-UBND, 10/9/2018	7.181						6.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
8	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hai Bà Trưng	2018-2019		860/QĐ-UBND 21/2/2018	7.192						6.400	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Đang trình phê duyệt DA
9	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Bắc Từ Liêm	2018-2019	699m2 Xd+TB	4653/QĐ-UBND 5/9/2018	6.158						5.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
10	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Bắc Từ Liêm	2018-2019	765m2 Xd+TB	4780/QĐ-UBND 10/9/2018	6.629						5.900	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
11	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Nam Từ Liêm	2018-2019	799m2 Xd+TB	4760/QĐ-UBND 7/9/2018	8.404						7.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
12	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Nam Từ Liêm	2018-2019	839m2 Xd+TB	5623/QĐ-UBND 19/10/2018	7.923						6.900	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
13	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hai Bà Trưng	2019-2020	758m2 Xd+TB	5996/QĐ-UBND 31/10/2018	6.759						6.400	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
14	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Ba Vì	2018-2020	4395m2 Xd+TB+HTKT	5365/QĐ-UBND 08/10/2018	59.296						25.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Dự án có khối lượng GPMB
15	Xây dựng lại nhà B công an thành phố Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2018-2020	03 tầng hầm, 08 tầng nổi	5209/QĐ-UBND 28/9/2018	173.157						75.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
16	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2018-2020	0,6 ha	5753/QĐ-UBND 25/10/2018	53.398						45.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
17	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đồn CA Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Thạch Thất	2019-2020	666m2 Xd+TB	726/HĐND-KTNS 30/12/2017, Ctr 854/QĐ-UBND, 21/2/2018	7.065						6.300	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Sở XD có báo cáo thẩm định DA số 336/BC-SXD(QLXD) ngày 29/10/2018
18	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường tại Trại tạm giam số 2 thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Thường tín	2018-2019	công suất 300m3/ngày đêm và hạ tầng xung quanh Trại	6004/QĐ-UBND 31/10/2018	19.463						16.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
19	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội			1	Hà Đông, Hoàn Kiếm	2018-2019	công suất 110m3/ngày.đêm	6015/QĐ-UBND 31/10/2018	8.488						7.500	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
20	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Khu 5,03 ha Dịch Vọng, Cầu Diễn, Xuân La, Nam Thăng Long, Đồng Quan, Hoàng Cầu, Láng Thượng - giai đoạn 1 (25 vị trí)		1		Cầu Giấy, Tây Hồ, Bắc Từ Liêm, Đống Đa	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	5970/QĐ-UBND 31/10/2018	34.847						29.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
21	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Đền Lừ, Hoàng Văn Thụ, Đồng Tàu, Pháp Vân Từ Hiệp, Vĩnh Tuy, Sải Đồng, Minh Khai, Sóng Hoàng, Đại Kim, Bắc Đại Kim mở rộng, lô OCT1 Bắc Linh Đàm mở rộng - Giai đoạn 1 (32 vị trí)		1		Hoàng Mai, Long Biên	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	6012/QĐ-UBND 31/10/2018	62.873						54.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
22	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Khu Trung Hòa Nhân Chính, Trung Yên, Hạ Đình, Mỹ Trì Hạ, (26 vị trí)		1		Thanh Xuân, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	5969/QĐ-UBND 31/10/2018	67.173						58.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
23	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư khu Kim Liên, Định Công, Đại Kim, Bắc Linh Đàm, Giáp Bát, Khu 7,2 ha Vĩnh Phúc - giai đoạn 1 (37 vị trí gồm 40 đơn nguyên và 3 trạm bơm)		1		Đống Đa, Hoàng Mai, Ba Đình	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	6011/QĐ-UBND 31/10/2018	29.358						25.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
24	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư (Khu Xuân La, Xuân Đình, Nghĩa Đô, Phú Thượng, Mỹ Trì Hạ, Lê Đức Thọ, Cầu Diễn và khu Thành phố giao lưu)- giai đoạn 1 (23 vị trí)			1	Tây Hồ, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	5971/QĐ-UBND 31/10/2018	12.042						11.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
25	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Khu đô thị Nam Trung Yên, Khu đô thị mới Yên Hòa - giai đoạn 1		1		Cầu Giấy	2018-2019	Cải tạo, sửa chữa	6018/QĐ-UBND 31/10/2018	31.593						27.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
26	Dự án xây dựng mới hệ thống PCCC 05 nhà chung cư tái định cư tại khu Đền Lũ (nhà A, B, C, E), quận Hoàng Mai và nhà 94B Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy			1	Hoàng Mai, Cầu Giấy	2018-2019	Đầu tư mới thiết bị	6010/QĐ-UBND 31/10/2018	21.456						18.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Theo chủ trương UBTP tại Văn bản số 2984/UBND-ĐT ngày 03/7/2018
27	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Bắc Từ Liêm	2018-2020	7.899m2+TB	6003/QĐ-UBND 31/10/2018	81.523						40.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
28	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Hà Đông	2018-2020	7.651m2+TB	5997/QĐ-UBND 31/10/2018	85.636						40.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
29	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Phú Xuyên	2018-2020	8290m2+TB	5993/QĐ-UBND 31/10/2018	82.210						40.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
30	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Quốc Oai	2018-2020	3540m2	5994/QĐ-UBND 31/10/2018	36.808						31.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
31	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Đan Phượng	2018-2020	5296m2	6005/QĐ-UBND 31/10/2018	98.501						40.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
32	Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy số 8 (Hoàng Mai) thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hoàng Mai	2018-2020	Công trình dân dụng cấp III	5559/QĐ-UBND 17/10/2018	38.841						33.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
33	Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy số 7 (Thanh Trì) thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Thanh Trì	2018-2020	Công trình dân dụng cấp III	5388/QĐ-UBND 9/10/2018	52.548						20.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
34	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 15 (Ứng Hòa) thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Ứng Hòa	2018-2020	1962 m2	6016/QĐ-UBND 31/10/2018	32.714						27.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
35	Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 12 (Thường Tín) thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Thường Tín	2018-2019	5815 m2	6013/QĐ-UBND 31/10/2018	39.936						33.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
36	Xây dựng trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 11 (Gia Lâm) thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Gia Lâm	2018-2020	7.358 m2	6017/QĐ-UBND 31/10/2018	47.828						20.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
37	Xây dựng trụ sở Phòng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 14 (Thạch Thất) thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Hà Nội		1		Thạch Thất	2019-2020	10.000 m2	6014/QĐ-UBND 31/10/2018	52.443						30.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
38	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2019-2020	Mua sắm thiết bị	5968/QĐ-UBND 31/10/2018	446.773						200.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
IV	Lĩnh vực y tế		6	1														
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		2						3.039.065	482.031	160.293	321.738	355.000	261.000	568.000	2		
									1.306.132	464.623	144.599	320.024	205.000	205.000	265.000	1		

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân - Giai đoạn 2		1		Hai Bà Trưng	2012-2019	500 giường	5086/QĐ-UB ngày 31/10/2011; 4232/QĐ-UBND ngày 20/8/2018	665.664	333.367	64.367	269.000	100.000	100.000	165.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Dự án vừa được UBNDTP cho phép điều chỉnh tăng TMBT, nên cần bổ sung KH trung hạn so với mức vốn tại NQ15
2	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		Ba Vì	2012-2019	300 giường	5084/QĐ-UBND 31/10/2011; 5988/QĐ-UBND 25/8/2017; 5732/QĐ-UBND 24/10/2018	640.468	131.256	80.232	51.024	105.000	105.000	100.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Dự án vừa được UBNDTP cho phép điều chỉnh tăng TMBT, nên cần bổ sung KH trung hạn so với mức vốn tại NQ15
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		2						934.369	17.408	15.694	1.714	150.000	56.000	100.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	11.755	10.041	1.714	100.000	6.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Dự án đang rà soát, điều chỉnh thiết kế, quy mô đạt tiêu chuẩn Châu Âu; có khả năng phải điều chỉnh chủ trương đầu tư và điều chỉnh DA đầu tư, lập lại thiết kế xây dựng, dự kiến giải ngân KH2018 là 6 tỷ đồng; kéo dài KH 2018: 94 tỷ
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2012-2015	300 giường	5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011;	149.936	5.653	5.653		50.000	50.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy; 4143/QĐ-UBND 07/7/2017 chủ trương điều chỉnh dự án Dự án đang được rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp Quy hoạch thị trấn trung tâm huyện Thường Tín.
c	Khởi công mới 2019		2	1					798.564						203.000	1		
1	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội			1	Thường Tín	2017-2019	14 giường bệnh	5919/QĐ-UBND 26/10/2016	26.333						23.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		Hà Đông	2019-2023	Cải tạo Nhà, khu kỹ thuật nghiệp vụ	607/HĐND-KTNS 13/11/2017	303.165						100.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Sờ XD có Tờ trình phê duyệt DA số 286/TTr-SXD(QLXD) ngày 26/10/2018
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2023	440 giường	643/HĐND-KTNS 30/11/2017	469.066						80.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	Sờ XD có Tờ trình phê duyệt DA số 278/TTr-SXD(QLXD) ngày 26/10/2018
V	Lĩnh vực văn hóa thông tin	2	1						1.174.015	359.844	355.779	4.065	150.000	5.300	39.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	1	1						1.159.202	359.844	355.779	4.065	150.000	5.300	30.000	1		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chính trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng thành Thăng Long	1			Ba Đình	2014-2016	4,5ha	5079/QĐ-UBND 02/10/2014	370.198	78.997	75.997	3.000			10.000	1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Dự án thuộc khu Hoàng Thành - Thăng Long. NQ15 phê duyệt KH vốn trung hạn là 64 tỷ đồng để thực hiện công tác GPMB. KH vốn năm 2017 là 64 tỷ đồng, được kéo dài thời hạn thanh toán sang 2018 là 60,98 tỷ đồng. Nhu cầu KH2019 là 10 tỷ đồng để hỗ trợ di chuyển Nhà khách Bộ Quốc phòng - Trạm 66 (VB đề xuất 114/TTHN ngày 03/10/2018). Ước giải ngân KHV 2017 kéo dài 4,2 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó								
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789.004	280.847	279.782	1.065	150.000	5.300	20.000		Bảo tàng Hà Nội	Dự án đang lập phương án trưng bày chi tiết làm cơ sở điều chỉnh dự án đầu tư và triển khai các thủ tục tiếp theo	
b	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018	1							14.813						9.000	1			
1	Bảo tồn nhà Cúc tác chiến và từng bước hoàn trả không gian Điện Kính Thiên	1			Ba Đình	2017-2018	Công trình đất thủ, di chuyển nhà	CTr: 3083/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; DA: 6770/QĐ-UBND ngày 28/9/2017	14.813						9.000	1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Dự án nằm trong khu Hoàng Thành - Thăng Long. Cuối năm 2017, Dự án được bổ trí KH2017 là 14 tỷ đồng, kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2018: dự kiến hoàn thành 2018. Tuy nhiên, đây là dự án đặc thù có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, trong quá trình thi công phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Hiện Dự án đang tạm dừng thi công theo Thông báo số 647/TB-TTr ngày 16/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng để bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định. Do vậy đề nghị KH2019 để triển khai hoàn thành dự án; phần vốn còn lại để quyết toán (VB đề xuất 114/TTHN ngày 03/10/2018)	
VI	Lĩnh vực môi trường	1	3	1					18.174.714	1.459.792	875.563	584.229	689.397	649.397	459.000	2			
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	1	1						17.731.874	1.459.792	875.563	584.229	659.397	619.397	200.000				
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Khu LHXLCCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		Sóc Sơn	2012-2020	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 7785/VP-ĐT	1.438.430	833.959	695.730	138.229	90.000	50.000	100.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường		
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	625.833	179.833	446.000	569.397	569.397	100.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường		
	Vốn ODA cấp phát								13.709.042	310.571	47.571	263.000	544.397	544.397					
	Vốn ODA vay lại																		
	Vốn trong nước								2.584.402	315.262	132.262	183.000	25.000	25.000	100.000				
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016																		
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018			1					25.652					10.000	10.000	11.000	1		
1	Đầu tư xây dựng xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội			1	Sơn Tây	2016-2019	02 trạm quan trắc tự động	6007/QĐ-UBND 31/10/2018	25.652				10.000	10.000	11.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường		
d	Dự án khởi công mới năm 2019		2						417.188					20.000	20.000	248.000	1		
1	Cải tạo nâng cấp đường, chiếu sáng tuyến đường vào Khu XLCT Xuân Sơn		1		Sơn Tây	2017-2020	4,5km x11m	827/QĐ-UBND ngày 21/2/2018	79.068					20.000	20.000	48.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Dự án cấp bách phục vụ vận chuyển rác vào bãi rác Xuân Sơn. Bổ trí vốn KH 2018 để thực hiện công tác thiết kế và GPMB

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Nạo vét bùn Hồ Tây		1		Tây Hồ	2018-2020		396/HĐND-KTNS 16/7/2018	338.120						200.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Nhu cầu giám sát trung hạn phê duyệt do chưa thực hiện hạng mục cột nước; SXD có Tờ trình phê duyệt DA số 217/TTTr-SXD ngày 05/10/2018.
VII	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	10	68	30					113.883.392	28.951.546	17.697.700	11.254.513	10.140.037	6.585.796	11.550.998	60		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	8	17	2					89.049.587	26.589.161	17.669.488	8.920.340	7.893.537	4.508.796	4.507.145	17		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	1	5	2					3.922.420	2.240.201	9.585	2.230.616	485.000	590.500	353.653	7		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018		13	2					4.564.508	116.994	15.076	101.918	1.565.000	1.290.000	978.000	9		
	Dự án khởi công mới 2019	1	33	24					16.346.878	5.189	3.551	1.638	196.500	196.500	5.712.200	27		
VII.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	6	54	18					90.400.404	19.921.875	10.792.673	9.129.869	6.998.487	4.638.456	9.781.042	41		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	4	12						68.438.699	17.696.535	10.780.406	6.916.796	5.013.987	2.823.456	3.627.389	10		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		1		Thanh Trì	2010-2018	3,814mx(39-56)m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017	887.735	348.266	118.266	230.000	208.638	121.000	50.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Do vướng mắc về mặt bằng, KH2018 đề xuất giám (số 1236/BQLCTGT-KH ngày 05/6/2018)
2	Xây dựng đường Vành đai 2 (Ngã tư Sở - Ngã tư Vọng)	1			Thanh Xuân, Đống Đa	2011-2019	4454/QĐ-UBND ngày 23/9/2011	4454/QĐ-UBND 23/9/2011; 5247/QĐ-UBND 02/10/2018	2.679.538	2.361.140	1.241.022	1.120.118	160.000	160.000	110.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	Đề xuất giao vốn năm 2019 để thực hiện khối lượng điều chỉnh
3	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây		1		Tây Hồ, Ba Đình	2007-II/2019	230x50m	417/QĐ-UBND 29/01/2007; 528/QĐ-UBND 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND 23/10/2018	775.465	498.731	464.290	34.441	90.000	90.000	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
4	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO		1		Gia Lâm	2007-2017	6.217mx(7-23-45)m	1312/QĐ-UBND 10/4/2007; 5159/QĐ-UBND 21/9/2016	323.600	260.863	141.530	119.332			20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Chủ đầu tư đang trình điều chỉnh thời gian HT.
5	Dự án đầu tư xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía tây đường sắt)		1		Phú Xuyên	2013-2019	L=5,67km; B=12m	5064/QĐ-UBND 31/10/2011; 1985/QĐ-UBND 09/5/2018	261.820	85.710	44.569	41.141	20.000	10.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Hiện nay Quỹ đất TĐC chưa có (90 hộ)
6	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GĐ 2		1		Ba Đình	2009-2018	565,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017	301.002	48.585	45.455	3.130	103.000	103.000	101.389	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Do vướng mắc về mặt bằng, KH2018 đề xuất giảm 20 tỷ đồng (số 1236/BQLCTGT-KH ngày 05/6/2018)
7	Công hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		Ba Đình	2009-2018	1040,16mx(25-30,5)m	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 7/11/2012; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016	740.450	69.920	10.708	59.212	30.000	30.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Dự án vướng mắc nhiều về mặt bằng
8	Xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui-Cầu Đông Trù-Phường Trạch-Bắc Thăng Long)	1			Đông Anh, Long Biên	2005-2016 (gia hạn thời gian thực hiện một số hạng mục công việc)	L= 13,32 Km, B=64m	1881/QĐ-UB 15/4/2005; 909/QĐ-UBND 07/2/2013	6.661.000	5.000.687	4.996.327	4.360	31.000	31.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Giá trị XLHT chưa thanh toán (chờ KL của TTCP): khoảng 150 tỷ; Chưa thi công: 100m kè; 30m (½ mặt cắt) đường nối QL3 với đường 5 kéo dài; 13.111m2 san nền. Vướng mặt bằng.
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn từ Km44+00 đến Km60+00, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2014-2018	L=13,424Km, B=12-18m, 05 cầu	4010/QĐ-UBND 11/9/2012; 1836/QĐ-UBND 19/4/2016	527.263	204.601	4.601	200.000	210.000	210.000	90.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	UBND Thành phố chủ trương cho phép điều chỉnh dự án tại văn bản số 4512/UBND-KH&ĐT ngày 25/9/2018, kinh phí tăng khoảng 100 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vi (tính lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2012-2018	2,5km x35m	5253/QĐ-UBND 22/10/2010; 1741/UBND-KHĐT 23/4/2016	330.559	100.721	76.388	25.000	100.000	100.000	70.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	C ĐT đang tiến hành công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để thi công dự án
13	Cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 32 đoạn Cầu Diễn - Nhón (Km10+420 - Km14+493,65)		1		Bắc Từ Liêm	2008-2018	HTKT, GPMB	1384/QĐ-BGTVT 11/5/2007; 3539/QĐ-UBND 10/9/2007; 1925/QĐ-BGTVT 30/8/2011	780.865	488.680	488.680		40.000	40.000	20.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Thành phố bổ sung kế hoạch vốn năm 2018 tại QĐ số 4252/QĐ-UBND ngày 20/8/2018
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 - Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Đốc Tín), Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ		1		Mỹ Đức	2016-2018	L=6.657m, B nền = 17m	4395/QĐ-UBND 10/7/2017	241.898	202.179	1.501	200.678			20.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thanh toán khối lượng, hoàn thành công trình
15	Dự án xây dựng đường nối QL32 - nghĩa trang Yên Kỳ - hồ Suối Hai (giai đoạn 1), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2018-2020	L=2.000m; B=33m	8546/QĐ-UBND 08/12/2017	165.604				1.800	1.800	70.000		UBND huyện Ba Vì	năm 2018, UBND huyện Ba Vì đã bố trí 1.800 triệu đồng để thiết kế BVTC-Dự toán, rà phá bom mìn,... tại Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 15/3/2018
16	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thị điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2022	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; và 2186/QĐ-TTg ngày 05/12/2014 của TT phê điều chỉnh danh mục	32.910.000	7.044.923	2.334.289	4.710.634	3.500.656	1.875.656	2.546.000		BQLĐSĐT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								13.158.810	4.010.815	1.869.743	2.141.072	310.318	310.318				
	Vốn ODA vay lại								13.649.180	1.679.562		1.679.562	1.100.338	1.100.338	2.496.000			
	Vốn trong nước								6.102.010	1.354.546	464.546	890.000	2.090.000	465.000	50.000			Phần KH vốn NSTP năm 2018 bố trí để dự phòng tạm ứng thanh toán cho gói thầu sử dụng vốn ODA trong trường hợp không được bố trí đủ KH vốn ODA NSTW năm 2018. Nhu cầu 2019 575 tỷ đồng nhưng dùng vốn kéo dài 2018
18	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội		1		Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2022	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sử dụng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900	15.050	7.000	8.050	18.500	8.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								813.934	5.000		5.000	10.500	4.600				
	Vốn ODA vay lại								355.366				5.000	2.300	9.000			
	Vốn trong nước								127.600	10.050	7.000	3.050	3.000	1.100	1.000			
19	Công trình trọng điểm: Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	966.480	805.780	160.700	500.393	43.000	340.000		BQLĐSĐT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								10.860.000	601.603	541.603	60.000	300.393	18.000				
	Vốn ODA vay lại								5.625.000									
	Vốn trong nước								3.070.000	364.877	264.177	100.700	200.000	25.000	340.000			Nhu cầu 2019 là 58 tỷ; sử dụng vốn 2018 kéo dài

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018		Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	1	4	1														
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1			Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2018	5,5km, Bn=56-60m	103/QĐ-BGTVT 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND 15/6/2016; 7240/QĐ-UBND 18/10/2017; 675/QĐ-BQLCTGT 02/11/2017	3.113.000	2.018.387		2.018.387	320.000	490.000	200.000	1		Đang báo cáo UBNDT giai hạn đến 2019
-	Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT								453.713		453.713		180.000	80.000	200.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Do còn nhiều khối lượng công tác GPMB, dự kiến hoàn thành Quý II/2019, nhu cầu KH2019 là 120 tỷ đồng (VB 1746/BQLCTGT-KH ngày 03/8/2018).
-	Phần GPMB do UBND quận Cầu Giấy làm CĐT								178.000		178.000						UBND quận Cầu Giấy	Năm 2018 tạm ứng vốn GPMB là 11,6 tỷ đồng; đã hoàn thành GPMB. Không có nhu cầu vốn năm 2019
-	Phần GPMB do UBND quận Bắc Từ Liêm làm CĐT								1.386.674		1.386.674		140.000	410.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	Nhu cầu điều chỉnh tăng KH2018 là 200 tỷ đồng để hoàn thành công tác GPMB theo chỉ đạo của UBND Thành phố. Năm 2019 không có nhu cầu vốn
2	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		Đống Đa	2018-2019	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UB 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017	120.051	694	394	300	70.000	5.500	48.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Đang trình thẩm định thiết kế BVTC-DT; Chưa GPMB, KH2018 để xuất giảm 66 tỷ đồng
3	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long		1		Bắc Từ Liêm	2016-2019	1.004,4mx30m; 30,354,08m2	460/QĐ-UBND 26/01/2011; 5719/QĐ-UBND 13/10/2016; số 3499/QĐ-UBND 09/7/2018	196.313	63.226	2.397	60.829	50.000	50.000	38.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Dự toán giảm
4	Dự án XD nâng cấp mở rộng đường nhánh nối quốc lộ 1A với đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		1		Phủ Xuyên	2015-2019	L=685m; B=44-45m	3084/QĐ-UBND 02/7/2015; số 972/VP-ĐT 05/02/2018	89.172	31.557	1.557	30.000	8.000	8.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Năm 2018 khả năng không hoàn thành do vướng mặt bằng (còn lại 08PA chưa phê duyệt do chưa có vị trí, quỹ đất TĐC) Dự toán giảm
5	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội			1	Hà Nội	2017-2019		8000/QĐ-UBND 16/11/2017	68.253				1.500	1.500	1.653	1	Sở GTVT	Dự án viện trợ không hoàn lại của JICA, nhà tài trợ giải ngân trực tiếp. Chi giao kế hoạch vốn đối ứng cho dự án.
	Vốn ODA cấp phát								65.100									
	Vốn ODA vay lại																	
	Vốn trong nước								3.153				1.500	1.500	1.653			
6	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội		1		Hà Nội	2016-2022	Hỗ trợ CĐT trong công tác quản lý dự án	5941/QĐ-UBND 9/10/2015	136.921	440		440	30.000	30.000	21.000		BQLĐSĐT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát																	
	Vốn ODA vay lại								121.800				30.000	30.000	21.000			
	Vốn trong nước								15.120	440	440			1.415				Không giao KH vốn đối ứng vì vốn đối ứng từ nguồn sự nghiệp. Nhu cầu vốn đối ứng năm 2019 là 2.600 triệu từ nguồn sự nghiệp.
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018		8	1					3.477.607	105.846	3.928	101.918	1.315.000	1.040.000	648.000	6		

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016- 2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32		1		Hoài Đức				1.436.782	92.523	200	92.323	700.000	550.000	154.000	1		
-	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340					2016-2019	1,14kmx60m	5795/QĐ-UBND 30/10/2015; 6611/QĐ-UBND 30/11/2016	379.572	92.023	200	91.823			54.000	1	UBND huyện Hoài Đức	Nguồn vốn được duyệt: NSTP 90 tỷ đồng, phần còn lại từ kinh phí thu lại theo cơ chế trước đây các chủ đầu tư đã được đối trừ từ tiền sử dụng đất phải nộp kết hợp từ nguồn thu đầu giá đất trên địa bàn Huyện. Năm 2017-2018, NSTP ứng phần 145 tỷ đồng để CĐT tiếp tục triển khai thực hiện; dự kiến nhu cầu 2019 NSTP ứng 54 tỷ đồng để hoàn thành DA. UBND huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần vốn NSTP ứng.
-	Xây dựng đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500).					2017-2019	3,76kmx60m	7586/QĐ-UBND 31/10/2017	1.057.210	500		500	700.000	550.000	100.000		UBND huyện Hoài Đức	Nguồn vốn được duyệt: Từ kinh phí thu lại theo cơ chế trước đây các chủ đầu tư đã được đối trừ từ tiền sử dụng đất phải nộp kết hợp từ nguồn thu đầu giá đất trên địa bàn Huyện. Năm 2018 NSTP ứng trước 700 tỷ đồng để chủ đầu tư triển khai DA; Nhu cầu để hoàn thành DA năm 2019 là 350 tỷ đồng, trong đó để nghị kéo dài sang KH2019 là 150 tỷ đồng. UBND huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần vốn NSTP ứng.
2	Cầu Hạ Dục			1	Chương Mỹ	2017-2019	Ltc = 107,3m; 03 nhịp: 3x33m); B= 10m	1193/QĐ-GTVT 26/10/2011; 1228/QĐ-SGTVT 20/9/2017	68.952	6.711	1.711	5.000	20.000	20.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Dự toán giảm
3	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+ 469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-2019	L= 8.264m, B = 12,0m	5570/QĐ-UBND 28/10/2014	197.204	4.177	1.924	2.253	100.000	35.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Lựa chọn nhà thầu (02 gói thầu XL): Gói 12 mới lựa chọn xong nhà thầu; Gói 13: đang đánh giá HSDT; dự kiến 2018 giảm 65 tỷ đồng., kéo dài sang 2019
4	Nâng cấp, cải tạo QL 21B, đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km 10+350 -Km 13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công việc cây xanh, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2016-2020	3,8Kmx24m	7275/QĐ-UBND 20/10/2016	265.831				120.000	120.000	120.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
5	Xây dựng tuyến đường 30m đầu nối khu vực dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tới đường Nguyễn Đức Thuận		1		Gia Lâm	2017-2018	L=866m, B=30m	5990/QĐ-UBND 31/10/2016	120.764				60.000	60.000	48.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
6	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 418 (tính lộ 82 cũ) đoạn Km3-Km4+500 địa bàn huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2014-2019	L=1.296m, B = 12m	147/QĐ-KH&ĐT 19/6/2013; 837/UBND-ĐT 5/3/2018	49.393						21.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
7	Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân		1		Thanh Xuân	2017-2019	434mx20m	7623/QĐ-UBND 31/10/2017	366.234				200.000	200.000	50.000		UBND quận Thanh Xuân	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
8	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2019	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	148	93	56	15.000	5.000	70.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Quy nhà tái định cư chưa xây dựng
9	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Hà Đông; Nam Từ Liêm	2017-2019	L=3.065m; B=40m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017	436.735	2.287		2.287	100.000	50.000	120.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	KH2018 đề xuất giảm 50 tỷ đồng (số 1236/BQLCTGT-KH ngày 05/6/2018), kéo dài thực hiện 2019
d	Dự án khởi công mới 2019	1	30	16					14.760.389	5.189	3.551	1.638	190.000	190.000	5.187.000	20		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch		1		Cầu Giấy	2018-2019	Lc=418,28m; 05 nhịp (45+3x60+45)m; B=16m	3974/QĐ-UBND 03/8/2018	560.282						220.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giai đoạn 1	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2.270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958						3.000.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
3	Dự án trọng điểm: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2019-2020	Lhầm= 520m (140m hầm kín; 2x190m hầm hở); Bhk =22,6m; Bhh=23,6m	5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653	439		439			20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Dự án phức tạp về phương án thiết kế; bố trí vốn để TKBVTC, công tác chuẩn bị GPMB
4	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2018-2020	L=1,8Km, B=27m-40m	3691/QĐ-UBND 20/7/2018	219.485				85.000	85.000	99.000	1	UBND quận Hà Đông	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng
5	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam		1		Mỹ Đức	2018-2020	L = 2.700m; Bncn=12,0m, Bmặt= 2 x5,5m=11,0m	7998/QĐ-UBND 17/11/2017	82.183	330		330	20.000	20.000	52.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế và GPMB
6	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội			1	Cầu Giấy	2018-2019	L=0,93m, B=13,5m	7867/QĐ-UBND 10/11/2017	59.611				20.000	20.000	31.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng
7	Dự án xây dựng tuyến đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra quốc lộ 6 (đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)			1	Chương Mỹ	2018-2019	L=763,59m (Tuyến 1 L1=196,71m; Tuyến 2 L2=566,88m); B=13,5m	302/QĐ-SGTVT 23/3/2018	32.237	143		143	4.000	4.000	23.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế và rà phá bom mìn
8	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (tỉnh lộ 83 cũ) đoạn Km0 đến Km3+700		1		Đan Phượng	2017-2020	L=3,7Km, B=15m-17m	7724/QĐ-UBND 06/11/2017	132.965				26.000	26.000	86.000	1	UBND huyện Đan Phượng	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Lăng Thượng, quận Đống Đa		1		Đống Đa	2018-2020	L=1,3Km, B=28,3--30,0m	3213/QĐ-UBND 26/6/2018	342.624				30.000	30.000	100.000		UBND quận Đống Đa	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng
10	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427		1		Thường Tín	2018-2020	L=3433m; Bn=(12-17)m; Bm=11m	2338/QĐ-UBND 16/5/2018	186.173	209		209	5.000	5.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng
11	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ		1		Nam Từ Liêm	2011-2014	17mx358m	193/QĐ-UBND 12/01/2011	69.689						51.000	1	UBND quận Nam Từ Liêm	Dự án đang được chủ đầu tư điều chỉnh dự án . không phải phê duyệt lại chủ trương
12	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), giai đoạn I		1		Mê Linh	2014-2018	3,45kmx24m	6528/QĐ-UBND 30/10/2013	89.152						30.000		UBND huyện Mê Linh	Thông báo số 311/TB-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố bổ trí vốn dự án năm 2018; CĐT rà soát báo cáo điều chỉnh DADT
13	Xây dựng cầu bắc qua sông Sét nối ngõ 553 - ngõ 543 đường Giải Phóng			1	Hoàng Mai	2018-2019	Ltc = 19m; Ln=15m; B = 8,5m	5701/QĐ-UBND 23/10/2018	6.538						5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
14	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch		1		Ba Đình	2018-2019	L=285m; B=30m	5802/QĐ-UBND 26/10/2018	72.891	47		47			62.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
15	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ý La			1	Hà Đông	2018-2019	L=82m; Lc=45,2m; B=10m	5636/QĐ-UBND 22/10/2018	15.558						13.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
16	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Kim Quan 1			1	Thạch Thất	2018-2019	L=80m; Lc=50m; B=7,5m	5637/QĐ-UBND 22/10/2018	16.445						13.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
17	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Bến Cốc			1	Chương Mỹ	2018-2019	L=265m; Lc=164m; 04 nhịp (45+59+45+15)m B= 10m	5641/QĐ-UBND 22/10/2018	61.960						20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
18	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ngọ			1	Phủ Xuyên	2018-2019	L=44m; B= 8m	5639/QĐ-UBND 22/10/2018	9.519						8.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
19	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Văn Từ			1	Phủ Xuyên	2018-2019	L=97m; B= 9m	5638/QĐ-UBND 22/10/2018	35.169						30.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
20	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Tây Ninh			1	Phúc Thọ	2018-2019	L=104m; Lc=24m; B=9m	5640/QĐ-UBND 22/10/2018	8.235						6.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
21	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Văn Quang			1	Quốc Oai	2018-2019	Lc=21m; B=13m	5642/QĐ-UBND 22/10/2018	7.054						5.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
22	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Lá			1	Thường Tín	2018-2019	L=83m; Lc=46m; B=8m	5803/QĐ-UBND 26/10/2018	12.823						10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
23	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Trì Lễ			1	Thanh Oai	2018-2019	L=51m; B=8,5m	5795/QĐ-UBND 25/10/2018	15.474						12.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
24	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Châu Mai			1	Thanh Oai	2018-2019	L=43m; B=12m	5756/QĐ-UBND 25/10/2018	18.104						15.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
25	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Chùa Dầu			1	Đan Phượng	2018-2019	L=40m; Lc=18m; B=10m	5577/QĐ-UBND 25/10/2018	13.081						10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
26	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2019-2020	9kmx12m	5250/QĐ-UBND 02/10/2018	159.661						40.000		UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số				Trong đó										
								Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
27	Xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2018-2019	L=1.265m, B=25m	5978/QĐ-UBND 31/10/2018	210.985						50.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Đang trình phê duyệt dự án tại Sở Xây dựng; NSTP 120 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách Quận
28	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khế nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2019	L=3,2Km, B=17,5m;-40m	5359/QĐ-UBND 08/10/2018	382.047						70.000		UBND huyện Đông Anh	
29	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1		Hoàng Mai	2018-2019	Lc=330m x 2, B=13m; 2 nhánh kết nối B=7m	5594/QĐ-UBND 18/10/2018	341.671	423		423			150.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
30	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lừ		1		Đống Đa	2018-2020	L=325,92m;B=17, 25m (Bm=10,5m, Bhc=2x3,375m)	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018	225.792	999	953	46			50.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Đang trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước thực hiện đầu tư
31	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Mê Linh (giai đoạn I)		1		Mê Linh	2014-2017	L=1,55Km; B=48m	936/QĐ-UBND 08/02/2013	155.012						50.000		UBND huyện Mê Linh	Kết luận Bí thư số 249-TB/TU ngày 06/6/2016. Chủ đầu tư rà soát, trình điều chỉnh dự án đầu tư
32	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		Đống Đa	2018-2020	L=600m Bn =25m	4888/QĐ-UBND 21/10/2011	189.840	2.598		2.598			10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Đang rà soát, lập dự án điều chỉnh ; năm 2019 thiết kế BVTC và công tác chuẩn bị GPMB
33	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2020	QL1A: L=750m, B=30m; chỉnh trang đường vào huyện ủy và UBND huyện: L=50m, B=(6,5-20)m, xây công huyện	5482/QĐ-UBND 12/10/2018	156.156						40.000		UBND Phú Xuyên	
34	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)		1		Ba Vì	2018-2020	L= 8.100m, Bn=12m, Bm=11m Cầu Suối Bơ	5672/QĐ-UBND 23/10/2018	206.103						60.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
35	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 đoạn Km0-Km3, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2018-2019	L=3,0Km, B=9m	6009/QĐ-UBND 31/10/2018	76.688						30.000		UBND thị xã Sơn Tây	
36	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thá đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2018-2020	L=7,4Km, Bn=12m	5900/QĐ-UBND 30/10/2018	186.601						50.000		UBND huyện Mỹ Đức	
37	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 179 đoạn từ Dốc Lôi đến ngã tư đường 181, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	L=2,310m, B=23m	9007/QĐ-UBND 29/10/2018	132.326						50.000		UBND huyện Gia Lâm	UBND huyện Gia Lâm đề xuất cơ chế sử dụng vốn đầu tư 14 tuyến đường hạ tầng khu vực từ nguồn thu đầu giá quyền sd đất trên địa bàn Huyện theo chỉ đạo của UBND TP tại các văn bản số 4363/UBND-KT ngày 18/9/2018 và 5378/UBND-KT ngày 02/11/2018
38	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến 1600 m. B= 30m	9011/QĐ-UBND 31/10/2018	198.138						5.000		UBND huyện Gia Lâm	nt: triển khai TKBVTC và công tác chuẩn bị GPMB

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018				Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số				Trong đó											
								Đến hết năm 2015	Năm 2016- 2017										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
39	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đồng		1		Gia Lâm	2019-2020	L=5.440m; Đường mặt đê Bmd=7m; Đường gom B=13.5m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511.247						5.000			UBND huyện Gia Lâm	nt; triển khai TKBVTC và công tác chuẩn bị GPMB
40	Xây dựng đường đê tả sông Hồng theo quy hoạch đoạn từ Đồng Dư đi Bát Trảng		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến đường L=3.500m, B=10m (Bmd=3,5x2m. Bhe=1,5x2m):	9010/QĐ-UBND 31/10/2018	51.871						43.000	1		UBND huyện Gia Lâm	nt
41	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		Gia Lâm	2019-2020	Xây dựng tuyến đường L=2.160m với mặt cắt ngang B=24,5-25m	9012/QĐ-UBND 31/10/2018	348.927						50.000			UBND huyện Gia Lâm	nt
42	Xây dựng tuyến đường quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến đường L=1.100m; B=30m (Bmd=4x3,5m; Bhe=2x8m)	9014/QĐ-UBND 31/10/2018	90.632						40.000			UBND huyện Gia Lâm	nt
43	Dự án xây dựng đường trục chính Bắc - Nam Khu đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315		1		Quốc Oai	2018-2020	L=3,09km; B=42m	5622/QĐ-UBND 19/10/2018	487.687						150.000			UBND huyện Quốc Oai	
44	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21 B - đường trục phía Nam - Quốc lộ 1A, trên địa bàn huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2020	L=6,45Km, B=12m	5746/QĐ-UBND 25/10/2018	121.496						50.000			UBND huyện Thanh Oai	
45	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hối (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2020	L=2,65Km, B=22,5-38m	5951/QDD-UBND 31/10/2018	155.088						50.000			UBND huyện Thường Tín	
46	Đầu tư xây dựng đường ngang đê Đáy - TL419 - đường trục huyện, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018-2019	L=2.515m, B = 12m	5704/QĐ-UBND 23/10/2018	79.398						72.000	1		UBND huyện Mỹ Đức	
47	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2019-2020	L=8,5Km, B=12m	6001/QĐ-UBND 31/10/2018	343.160						100.000			UBND huyện Chương Mỹ	
VII.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	2	2	3					12.449.234	4.868.221	4.431.991	436.230	557.000	407.000	381.207	4			
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	2	1	1					11.432.463	4.857.121	4.431.991	425.130	545.000	395.000	201.207	2			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang		1		Đống Đa	2009-2019	4,95ha	4563/QĐ-UB 20/7/2004; 5789/QĐ-UBND 30/10/2015; 1516/QĐ-UBND 03/5/2017; 5245/QĐ-UBND 02/10/2018	297.780	165.726	31.180	134.546	45.000	45.000	30.000	1		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
2	Xây dựng HTKT xung quanh hồ Kim Liên			1	Đống Đa	2004-2017	3,5ha	2482/QĐ-UB 23/4/2004; 2345/QĐ-SXD 27/12/2017	38.393	24.199	12.262	11.937			8.000			BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Bổ trí vốn để điều chỉnh DA và GPMB một số PA được thông qua

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II (vốn trong nước)	1			Hà Nội	2006-2016	77,5km; 310nn/2 ngày	2304/QĐ-UBND 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND 28/6/2012	9.693.856	4.375.439	4.223.049	152.390			113.207	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Dự án vay vốn ODA Nhật, đã hoàn thành xây lắp năm 2016, bổ sung vốn trong nước để thanh toán GPMB cho các phương án phê duyệt trước ngày 31/12/2016. Tổng mức đầu tư là 9.693.856 triệu (gồm ODA và đối ứng là 3.762.833 triệu) Chi phí GPMB thực tế theo phương án được duyệt, sẽ được cập nhật vào tổng mức đầu tư dự án khi quyết toán. Ước Giải ngân vốn 2017 kéo dài 7,574 tỷ đồng
	UBND quận Hai Trưng thực hiện														194			
	UBND quận Thanh Xuân thực hiện														6.684			
	UBND quận Đống Đa thực hiện														70.921			
	UBND quận Hoàng Mai thực hiện														8.342			
	BQLDA ĐTXD CT CN, TN và MT thực hiện														27.066			
4	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2015-2020	101.356 ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1.402.434	291.757	165.500	126.257	500.000	350.000	50.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016			1					25.429	11.100		11.100	5.500	5.500	5.000	1		
1	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường 35 trên địa bàn huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2016-2018	17km	7702/QĐ-SXD 11/10/2013; 2888/UBND-ĐT 18/5/2016	25.429	11.100		11.100	5.500	5.500	5.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018																	
d	Dự án khởi công mới năm 2019		1	1					991.342				6.500	6.500	175.000	1		
1	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2020	Trạm 1: 22,5m3/s; Trạm 2: 24m3/s	6000/QĐ-UBND 31/10/2018	959.185						150.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Dự án thuộc nhóm HTKT khung trong khu đô thị 2 bên đường Võ Nguyên Giáp.
2	Cống hóa kênh Lạc Trung đoạn từ dốc Minh Khai đến sông Kim Ngưu			1	Hai Bà Trưng	2016-2018	L=2,2km	424/QĐ-UBND 25/01/2016; 7980/QĐ-UBND 16/11/2017	32.157				6.500	6.500	25.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Bổ trí vốn KH2018 để thực hiện công tác thiết kế, chuẩn bị mặt bằng
VII.3	Lĩnh vực đề điều		2	3					829.483	161.920	40.144	121.776	120.000	120.000	247.000	4		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015		1						231.417	161.920	40.144	121.776	20.000	20.000	40.000	1		
1	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đề hữu Đà, hữu Hồng huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2012-2019	44.912m	5076/QĐ-UBND 31/10/2011; 2983/QĐ-UBND 10/6/2016; 5492/QĐ-UBND 12/10/2018	231.417	161.920	40.144	121.776	20.000	20.000	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN & PTNT	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016																	
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018		1						418.855				100.000	100.000	50.000			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2018-2020	16.790m	7562/QĐ-UBND 31/10/2017	418.855				100.000	100.000	50.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP bổ trí 60% TMDT

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
d	Dự án khởi công mới năm 2019			3					179.211						157.000	3		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê hồ Quan Sơn - Tuy Lai, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2019-2020	5.615m	5389/QĐ-UBND 9/10/2018	49.982						44.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ Chùa Đậu đến cầu Đồng Quan, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2019-2020	14.150m	5940/QĐ-UBND 31/10/2018	62.166						54.000	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (bờ hữu từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả từ cầu Tân Dân đến cầu công Thần) thuộc huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	13.500m	5939/QĐ-UBND 31/10/2018	67.063						59.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
VII.4	Lĩnh vực thủy lợi	2	10	5					10.165.629	3.999.530	2.432.892	1.566.638	2.464.550	1.420.340	1.124.549	10		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	2	3	1					8.947.008	3.873.585	2.416.947	1.456.638	2.314.550	1.270.340	638.549	4		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì	2011-2020	Tươi 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017; 2340/QĐ-SNN 28/11/2017	4.253.765	2.482.843	1.874.411	608.432	600.000	600.000	455.549		Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự kiến Điều chỉnh cơ cấu TMDT sử dụng hết chi phí dự phòng (VB số 2757/SNN-KHTC ngày 28/9/2018)
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hà Đông	2015-2020	Tiêu 6300ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013	3.916.491	971.346	296.346	675.000	1.583.250	539.040	50.000		Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo chỉ đạo của Bí thư Thành ủy tại TB số 547-TB/TU ngày 14/02/2017, Dự án điều chỉnh quy mô và hoàn thành 2020. Hiện CĐT đã trình phê duyệt điều chỉnh DA; TMDT sau điều chỉnh 4.722 tỷ đồng (TTR số 275 ngày 10/10/2018), nhu cầu trung hạn tăng 1.035 tỷ đồng để hoàn thành dự án. Tuy nhiên hiện nay, việc điều chỉnh DA chưa được cấp có thẩm quyền thông qua.
3	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2011-2019	2011-2019	5370/QĐ-UBND 29/10/2010; 599/QĐ-UBND 01/02/2018	166.126	90.973	63.500	27.473	25.000	25.000	39.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2015-2018	6.450m	5668/QĐ-UBND 20/12/2006, 2913/QĐ-UBND 27/6/2012; 3460/QĐ-UBND 06/6/2017	69.990	47.368	23.252	24.116	6.300	6.300	9.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đang rà soát, điều chỉnh dự án (tăng TMDT 25.000 trở)
5	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống kênh trạm bơm Hồng Văn		1		Thường Tín, Thanh Trì, Phú Xuyên	2013-2020	Tươi 9131 ha	5329/QĐ-UBND 28/10/2010; 362/QĐ-UBND 23/01/2015; 2289/QĐ-UBND 14/5/2018	394.274	180.210	102.210	78.000	100.000	100.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
6	Kiên cố hoá, kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê tại quận Hà Đông, huyện Thanh Oai.		1		Hà Đông, Thanh Oai	2011-2018	Tươi 4018 ha	5357/QĐ-UBND 29/10/2010; 6637/QĐ-UBND 03/12/2015; 5491/QĐ-UBND 12/10/2018	146.362	100.845	57.228	43.617			25.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo TMDT phê duyệt điều chỉnh

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018				Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó								
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		1						173.281	114.797	4.797	110.000			30.000	1			
1	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sân - Phần kênh và CTTK, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2013-2019	Tiêu 1.885 ha	2508/QĐ-UBND 02/6/2011; 7938/QĐ-UBND 27/12/2013; 5956/QĐ-UBND 31/10/2018	173.281	114.797	4.797	110.000			30.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Không thực hiện giải ngân KH vốn năm 2017 do DA phải thực hiện điều chỉnh.	
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018		4	1					668.046	11.148	11.148		150.000	150.000	280.000	3			
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phú Đông, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2020	Tiêu 690ha	5569/QĐ-UBND 28/10/2014	107.539	2.480	2.480		30.000	30.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT		
2	Kiên cố kênh tiêu chính Tháp Cừu trạm bơm Hà Dục, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2018-2020	Tiêu 4.264ha	3315/QĐ-UBND 13/7/2011; 6618/QĐ-UBND 31/10/2013	130.145	2.922	2.922		30.000	30.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT		
3	Dự án nâng cấp cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm tiêu Phú Thu			1	Phúc Thọ, Thạch Thất, Sơn Tây	2018-2020	Tiêu 2.270ha	4851/QĐ-UBND 25/10/2012; 5231/QĐ-UBND 02/10/2018	69.727	1.246	1.246		10.000	10.000	45.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT		
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông		1		Mê Linh	2014-2020	Tưới 6.900ha	6527/QĐ-UBND 30/10/2013; 5587/QĐ-UBND 18/10/2018	195.556	4.100	4.100		30.000	30.000	70.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT		
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2015-2020	Tiêu 1.470ha, tưới 596ha	5662/QĐ-UBND 12/9/2013; 5587/QĐ-UBND 18/10/2018	165.079	400	400		50.000	50.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT		
d	Dự án khởi công mới năm 2019		2	3					377.294						176.000	2			
1	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu T1 đoạn qua thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2018-2020		5988/QĐ-UBND 31/10/2018	49.983						45.000	1	UBND thị xã Sơn Tây		
2	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2020	Tiêu 1.390ha	109/QĐ-UBND 11/01/2010; 4397/QĐ-UBND 08/9/2010	98.276						30.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Văn bản số 6581/UBND-KH&ĐT ngày 26/12/2017 của UBND Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cự Thẩn, huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2019-2020	Tiêu 613ha; Tưới 300ha	303/QĐ-KH&ĐT 26/9/2014	45.698						41.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Văn bản 3449/VP-KT ngày 18/4/2017 của VP UBND TP	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2019-2020	Tiêu 761ha	7061/QĐ-UBND 20/11/2013	76.156						30.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Văn bản 3449/VP-KT ngày 18/4/2017 của VP UBND TP	
5	Xây dựng mới trạm bơm trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lại Thượng 1, 2 huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2020	Tiêu 675ha	6616/QĐ-UBND 31/10/2013	107.181						30.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Văn bản 3449/VP-KT ngày 18/4/2017 của VP UBND TP	
VII.5	Lĩnh thương mại			1					38.642						17.200	1			
a	Dự án khởi công mới 2019			1					38.642						17.200	1			
1	Xây dựng HTKT ngoài hàng rào khu giết mổ gia súc tại xã Quang Lăng, Trì Thủy, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	1439md	5483/QĐ-UBND 12/10/2018	38.642						17.200	1	UBND huyện Phú Xuyên	Phần còn lại ngân sách Huyện	
VIII	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1	2						2.081.117	633.572	220.573	412.999	550.000	175.000	352.000	2			

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016-2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015	1							1.022.571	486.660	220.573	266.087	150.000	45.000	192.000	1		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công	1			Tây Hồ	2013-2019	43.698 m2 sàn	4941/QĐ-UBND 30/10/2012; 5218/QĐ-UBND 22/9/2016; 1571/QĐ-UBND 02/4/2018.	1.022.571	486.660	220.573	266.087	150.000	45.000	192.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	Dự án đã được điều chỉnh thành Khu liên cơ dự kiến bố trí văn phòng làm việc cho 08 Sở, ngành. Nhu cầu điều chỉnh giảm KH2018 là 105 tỷ đồng; KH2019 là 300 tỷ đồng để hoàn thành dự án (BC số 88/BC-BQLDD&CN ngày 27/7/2018 và TTr 102 ngày 27/9/2018)
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016																	
c	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018		1						687.668	146.912		146.912	400.000	130.000	70.000	1		
	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2017-2019	Xây mới công trình cao 9 tầng + 01 tầng lửng và 04 tầng hầm; Sxd=30.553m2	5453/QĐ-UBND 09/8/2017	687.668	146.912		146.912	400.000	130.000	70.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
d	Dự án khởi công mới năm 2019		1						370.878						90.000			
2	Xây dựng trụ sở làm việc Quận ủy - HĐND - UBND quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2017-2020	DTXD: 5.536m2, 01 tầng hầm, 04 tầng nổi, 01 tầng mái	5876/QĐ-UBND 30/10/2018	370.878						90.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Ngân sách Thành phố 50%TMĐT, nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất (xin cơ chế Thành phố điều tiết lại cho Quận 50% TMĐT). Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án, bố trí đủ vốn phần NSTP, đang trình Sở Xây dựng thẩm định Dự án.
IX	Lĩnh vực khác		2	2					730.498	1.395	1.395				198.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						336.262	1.395	1.395				80.000			
1	Cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nghĩa trang Văn Điển		1		Thanh Trì	2014-2018	195,482m2	6436/QĐ-UBND 25/10/2013; 5463/QĐ-UBND 23/10/2014	336.262	1.395	1.395				80.000		Ban Phục vụ Lễ tang Hà Nội	NSTP chấp thuận hỗ trợ HTKT khoảng 100 tỷ đồng; phần vốn đã thực hiện và giải ngân là vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Ban - Dự án được HĐND cho phép bổ sung KH 2016-2020 tại văn bản 449/HĐND-KTNS ngày 13/8/2018; UBND TP chỉ đạo tại văn bản 3904/UBND-KGVX ngày 23/8/2018
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016																	
c	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2018																	
d	Dự án khởi công mới năm 2019		1	2					394.236						118.000	2		
1	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng			1	Hai Bà Trưng	2019-2020	1409m2 sàn	Ct- 944/QĐ-UBND 28/02/2018	15.729						13.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2019-2020	10815m2 sàn	696/HĐND-KTNS 25/12/2017	335.907						70.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	Chi phí GPMB 98 tỷ thuộc DA sử dụng nguồn vốn khác

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2018			Kế hoạch vốn năm 2018 được giao	Ước giải ngân KH2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	CTHT năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó							
											Đến hết năm 2015	Năm 2016- 2017						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội số IV			1.	Ba Vì	2019-2020	20,431m2	4464/QĐ-UBND 24/8/2018	42.600						35.000	1	Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

Phụ lục I.3

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo: 315 /BC-UBND ngày 21 /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		1					3.924.612	5.000		1.206.200	1		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							3.881.027			1.187.200			
I	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới							3.881.027			1.187.200			
1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (05 tỷ đồng/xã)					203 xã		515.000			150.000			
-	Ba Vì					17 xã		85.000			20.000			
-	Chương Mỹ					13 xã		65.000			25.000			
-	Mỹ Đức					13 xã		65.000			10.000			
-	Phú Xuyên					14 xã		70.000			20.000			
-	Sóc Sơn					9 xã		45.000			20.000			
-	Thanh Oai					9 xã		45.000			15.000			
-	Thường Tín					12 xã		60.000			15.000			
-	Ứng Hòa					16 xã		80.000			25.000			
2	Hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm theo Quyết định 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012							3.306.027			977.200			<i>Nghị quyết 17/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 cho phép tiếp tục thực hiện</i>
-	Sơn Tây					48,3km GTNT, 176,8km kênh mương		79.080			18.500			
-	Ba Vì					119,6km GTNT, 156,5km kênh mương		111.562			42.400			
-	Chương Mỹ					687,3km GTNT, 875,9km kênh mương		633.916			190.000			

STT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Gia Lâm					121,1km GTNT, 220,4km kênh mương		131.502			11.700			
-	Hoài Đức					129,7km GTNT, 311,8km kênh mương		163.586			19.500			
-	Mê Linh					113,0km GTNT, 148,8km kênh mương		105.633			21.800			
-	Mỹ Đức					75,5km GTNT, 318,7km kênh mương		136.386			52.900			
-	Phú Xuyên					367,1km GTNT, 395,4km kênh mương		316.878			113.300			
-	Phúc Thọ					149,8km GTNT, 392,5km kênh mương		198.638			70.200			
-	Quốc Oai					496,0km GTNT, 647,4km kênh mương		462.061			144.500			
-	Sóc Sơn					489,9km GTNT, 519,8km kênh mương		420.487			128.300			
-	Thạch Thất					101,8km GTNT, 197,3km kênh mương		114.187			15.000			
-	Thanh Oai					231,9km GTNT, 152,3km kênh mương		170.897			58.900			
-	Thường Tín					79,8km GTNT, 28,5km kênh mương		51.629			17.000			
-	Ứng Hòa					204,4km GTNT, 330,8km kênh mương		209.585			73.200			
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (30 tỷ đồng/ huyện)							60.000			60.000			
-	Sơn Tây							30.000			30.000			
-	Sóc Sơn							30.000			30.000			
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ		1					43.585	5.000	5.000	19.000	1		
I	CTMT nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020		1					43.585	5.000	5.000	19.000	1		

STT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018													
I.2	Dự án khởi công mới 2019		1					43.585	5.000	5.000	19.000	1		
1	Xây dựng cầu Bắc Linh Đàm		1	Hoàng Mai	2017-2019	L = 45m, B = 17,5m	2134/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2013, 7607/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	43.585	5.000	5.000	19.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	QĐ phê duyệt dự toán số 1527/QĐ-GTVT 05/10/2018, CPXD: 21 tỷ đồng

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN/THỊ XÃ NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số: **315** /BC-UBND ngày **21** /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	78	17	61					4.389.597	580.961	490.732	1.498.500	41	tăng 22 tỷ (Điều chỉnh KH 2020 lên bố trí KH 2019)	
	Dự án chuyển tiếp	35	10	25					2.195.927	925.861	490.732	662.139	29		
	Dự án mới	43	7	36					2.193.670			836.361	12		
I	HUYỆN BA VÌ	5		5					232.747	13.804	13.804	104.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					45.050	13.804	13.804	28.746	1		
	Dự án mới	4		4					187.697			75.504			
I.1	GIAO THÔNG	5		5					232.747	13.804	13.804	104.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					45.050	13.804	13.804	28.746	1		
1	Đường giao thông liên xã QL 32 đi Cam Thượng (đi Xuân Sơn).	1		1	Xã Cam Thượng	2018-2019	7863m	997/QĐ-UBND 11/10/2011; 1959/QĐ-UBND 23/10/2017	45.050	13.804	13.804	28.746	1	UBND huyện Ba Vì	
	Dự án mới	4		4					187.697			75.504			
1	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường GT liên xã Tổng Bạt đi Cẩm Lĩnh.	1		1	Xã Tổng Bạt	2019-2020	5600m	1010/QĐ-UBND 17/9/2014;	49.936			17.502		UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 414 (87A cũ) đi Ao Vua.	1		1	Huyện Ba Vì	2019-2020	3789m	2087/QĐ-UBND 30/10/2017	44.527			15.800		UBND huyện Ba Vì	
3	Đường giao thông liên xã Tân Hồng - Phú Cường.	1		1	Các xã: Tân Hồng, Phú Cường	2019-2020	3242m	2085/QĐ-UBND 30/10/2017	43.779			24.702		UBND huyện Ba Vì	
4	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An giai đoạn 2.	1		1	Các xã: Tiên Phong, Thụy An	2019-2020	4388m	2084/QĐ-UBND 30/10/2017; 2086/QĐ-UBND 30/10/2017	49.455			17.500		UBND huyện Ba Vì	
II	HUYỆN CHƯƠNG MỸ	2		2					115.669	25.750	25.250	84.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					76.508	25.750	25.250	49.750	1		
	Dự án mới	1		1					39.161			34.500			
II.1	GIAO THÔNG	1		1					76.508	25.750	25.250	49.750	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					76.508	25.750	25.250	49.750	1		
1	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hoá mặt đường 7, huyện Chương Mỹ (đoạn từ Thụy Hương - Hoàng Diệu)	1		1	Các xã: Thụy Hương, Hoàng Diệu	2017-2019	4.730m	7945/QĐ-UBND 25/10/2017	76.508	25.750	25.250	49.750	1	UBND huyện Chương Mỹ	
II.2	TRƯỜNG HỌC	1		1					39.161			34.500			
	Dự án mới	1		1					39.161			34.500			
1	Trường Tiểu học Tốt Động	1		1	Xã Tốt Động	2019-2020	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	7685/QĐ-UBND 13/10/2017	39.161			34.500		UBND huyện Chương Mỹ	
III	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	4	4						322.806	64.250	31.571	64.250			
	Dự án chuyển tiếp	4	4						322.806	64.250	31.571	64.250			
III.1	TRƯỜNG HỌC	4	4						322.806	71.750	31.571	64.250			
	Dự án chuyển tiếp	4	4						322.806	71.750	31.571	64.250			

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trường Tiểu học Tân Lập (khu B)	1	1		Xã Tân Lập	2018-2020	27 phòng học, nhà hiệu bộ kết hợp chức năng và các hạng mục phụ trợ	6475/QĐ-UBND 31/10/2016; 372/QĐ-UBND 22/01/2018	86.491	16.000	16.000	13.000		UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường mầm non Tân Lập	1	1		Xã Tân Lập	2018-2020	20 nhóm lớp học, nhà hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	7454/QĐ-UBND 19/10/2017; 1983/QĐ-UBND 9/5/2018	88.737	23.250	2.197	20.000		UBND huyện Đan Phượng	
3	Trường mầm non 2 Tân Hội	1	1		Xã Tân Hội	2018-2020	Xây mới 20 nhóm lớp học và các phòng học chức năng, các hạng mục phụ trợ	7455/QĐ-UBND 19/10/2017;	74.409	25.000	6.040	18.000		UBND huyện Đan Phượng	
4	Trường THCS Tân Hội	1	1		Xã Tân Hội	2018-2020	28 phòng học và 10 phòng bộ môn	6476/QĐ-UBND 31/10/2016; 7575/QĐ-UBND 27/10/2017	73.169	7.500	7.334	13.250		UBND huyện Đan Phượng	Năm 2018, Ngân sách Huyện bố trí 7,5 tỷ đồng
IV	HUYỆN ĐÔNG ANH	3	3						394.633	49.250	49.250	64.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	2	2						269.789	49.250	49.250	46.250	1		
	Dự án mới	1	1						124.844			18.000			
IV.1	TRƯỜNG HỌC	3	3						394.633	49.250	49.250	64.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	2	2						269.789	49.250	49.250	46.250	1		
1	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng	1	1		Xã Việt Hùng	2018-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 30 nhóm lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	9281/QĐ-UBND 18/9/2017	100.254	17.000	17.000	20.750		UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường THCS Dục Tú, huyện Đông Anh	1	1		Xã Dục Tú	2017-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 39 lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	1472/QĐ-UBND 06/5/2011; 4607/QĐ-UBND 27/10/2016 8479/QĐ-UBND 09/8/2017	169.535	32.250	32.250	25.500	1	UBND huyện Đông Anh	Phần còn lại Ngân sách Huyện bố trí
	Dự án mới	1	1						124.844			18.000			
1	Xây dựng trường THCS Thụy Lâm	1	1		Xã Thụy Lâm	2018-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 33 lớp	4071/QĐ-UBND 28/10/2011; 8469/QĐ-UBND 09/8/2017	124.844			18.000		UBND huyện Đông Anh	
V	HUYỆN GIA LÂM	4	1	3					168.389	15.750	15.750	64.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					48.507	15.750	15.750	24.200	1		
	Dự án mới	3	1	2					119.882			40.050			
V.1	TRƯỜNG HỌC	3	1	2					119.882			40.050			
	Dự án chuyển tiếp	1		1					48.507	15.750	15.750	24.200	1		
1	Xây dựng trường mầm non đô thị Đặng Xá	1		1	Xã Đặng Xá	2019 - 2020		4274/QĐ-UBND 30/5/2018	48.507	15.750	15.750	24.200	1	UBND huyện Gia Lâm	
	Dự án mới	3	1	2					119.882			40.050			
1	Xây dựng trường mầm non Phú Thị, huyện Gia Lâm	1		1	Xã Phú Thị	2019-2020	20 nhóm lớp, phòng chức năng	8710/QĐ-UBND 23/10/2018	37.661			15.000		UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng trường tiểu học TT Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	1		Thị trấn Yên Viên	2019-2020	18 phòng học, nhà hiệu bộ	8495/QĐ-UBND 17/10/2018	46.079			12.250		UBND huyện Gia Lâm	

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bỏ/trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Xây dựng trường THCS Dương Quang, huyện Gia Lâm	1		1	Xã Dương Quang	2019-2020	22 phòng học, cải tạo khối còn lại	3166/QĐ-UBND 17/4/2018	36.142			12.800		UBND huyện Gia Lâm	
VI	HUYỆN HOÀI ĐỨC	2	2						178.935			64.250			
	<i>Dự án mới</i>	2	2						178.935			64.250			
VI.1	TRƯỜNG HỌC	2	2						178.935			64.250			
	<i>Dự án mới</i>	2	2						178.935			64.250			
1	Trường mầm non Tiên Yên - Khu Yên Thái	1	1		Xã Tiên Yên	2019-2020	16 phòng học kết hợp nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ	9126/QĐ-UBND 28/10/2017	60.676			24.250		UBND huyện Hoài Đức	
2	Trường THCS chất lượng cao Nguyễn Văn Huyền	1	1		Xã Sơn Đồng	2018-2020	30 phòng học, các phòng học bộ môn, khối nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	8263/QĐ-UBND 31/10/2016; 4767/QĐ-UBND 27/6/2017; 9265/QĐ-UBND 30/10/2017	118.259			40.000		UBND huyện Hoài Đức	Nghị quyết 15: tên dự án Trường THCS Nguyễn Văn Huyền; Huyện điều chỉnh tên DA
VII	HUYỆN MÊ LINH	6		6					246.107	8.500	8.500	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1		1					26906	8500	8500	11000	1		
	<i>Dự án mới</i>	5		5					219.201			73.250	2		
VII.1	TRƯỜNG HỌC	6		6					246.107	8.500	8.500	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1		1					26.906	8.500	8.500	11.000	1		
1	Trường mầm non Văn Khê - khu Trung tâm, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	1		1	Xã Văn Khê	2018-2019	Nhà lớp học 20 phòng, nhà điều hành,	4348/QĐ-UBND 30/10/2017	26.906	8.500	8.500	11.000	1	UBND huyện Mê Linh	
	<i>Dự án mới</i>	5		5					219.201			73.250	2		
1	Trường mầm non Quang Minh A, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)	1		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	xây mới 21 phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	2621/QĐ-UBND 25/10/2018	54.304			22.500		UBND huyện Mê Linh	
2	Trường mầm non Quang Minh B, Thị trấn Quang Minh huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)	1		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 20 phòng Xây dựng nhà điều hành	2622/QĐ-UBND 25/10/2018	42.867			13.250		UBND huyện Mê Linh	
3	Trường tiểu học Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1		1	Xã Tam Đồng	2019-2020	21 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2616/QĐ-UBND 25/10/2018	28.869			12.500		UBND huyện Mê Linh	
4	Trường THCS Tự Lập, xã Tự Lập, huyện Mê Linh	1		1	Xã Tự Lập	2019-2020	cải tạo 12 phòng học, xây mới 13 phòng học, 7 phòng bộ môn và các phòng chức năng	2618/QĐ-UBND 25/10/2018	40.787			13.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại Ngân sách Huyện bổ tri
5	Trường THCS Tiên Phong, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (giai đoạn 2)	1		1	Xã Tiên Phong	2019-2020	Nhà lớp học 03 tầng; Cải tạo nhà lớp học 21 phòng	2619/QĐ-UBND 25/10/2018	52.374			12.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại Ngân sách Huyện bổ tri
VIII	HUYỆN PHÚ XUYỀN	4		4					155.018	49.250	49.250	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	2		2					91.068	49.250	49.250	36.000	2		
	<i>Dự án mới</i>	2		2					63.950			48.250	1		
VIII.1	GIAO THÔNG	4		4					155.018	49.250	49.250	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	2		2					91.068	49.250	49.250	36.000	2		
1	Đường Quang Lăng - Duy Tiên nối hai huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội với huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	1		1	Các xã: Quang Lăng, Duy Tiên	2018-2019	3300m	4445/QĐ-UBND 30/10/2017	48.524	29.250	29.250	16.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường Thao Chính - Đại Nam - Nam Triều	1		1	Các xã: Đại Nam, Nam Triều	2018-2019	1900m	4447/QĐ-UBND 30/10/2017	42.544	20.000	20.000	20.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
	<i>Dự án mới</i>	2		2					63.950			48.250	1		

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	Đường Tân Dân - Văn Hoàng - Đại Thắng	1		1	Các xã: Tân Dân, Văn Hoàng	2019	1770m	3025/QĐ-UBND 18/10/2018	33.000			31.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường giao thông liên xã Minh Tân-Tri Thủy- Quang Lăng (GĐ 2)	1		1	Các xã: Minh Tân, Tri Thủy	2019-2020	2073,8 m	3364/QĐ-UBND 31/10/2018	30.950			17.250		UBND huyện Phú Xuyên	
VIV	HUYỆN MỸ ĐỨC	5		5					219.666	16.500	16.500	104.250	2		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1		1					49038	16500	16500	25700	1		
	<i>Dự án mới</i>	4		4					170.628			78.550	1		
VIV.1	GIAO THÔNG	5		5					219.666	16.500	16.500	104.250	2		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1		1					49.038	16.500	16.500	25.700	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Mỹ Thành - Bột Xuyên (Điểm đầu từ TL 419 xã Mỹ Thành, điểm cuối để song Đáy xã Bột Xuyên) huyện Mỹ Đức (GĐ1).	1		1	Các xã: Mỹ Thành, Bột Xuyên	2018-2019	2350m	1869/QĐ-UBND 21/8/2017	49.038	16.500	16.500	25.700	1	UBND huyện Mỹ Đức	
	<i>Dự án mới</i>	4		4					170.628			78.550	1		
1	Đường tỉnh lộ 419 đi xã Hồng Sơn.	1		1	Xã Hồng Sơn	2019	2574m	2220/QĐ-UBND 04/10/2017; 1903/QĐ-UBND 25/8/2017	32.988			29.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Đường liên xã An Mỹ đi Chùa Mễ Tuy Lai.	1		1	Các xã: An Mỹ, Tuy Lai	2019-2020	2618m	2224/QĐ-UBND 04/10/2017, 1865/QĐ-UBND 18/8/2017	39.000			15.000		UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường giao thông liên xã từ tỉnh lộ 419 xã Vạn Kim đi Hùng Tiến - Đốc Tín.	1		1	Các xã: Vạn Kim, Hùng Tiến, Đốc Tín	2019-2020	3992m	2225/QĐ-UBND 04/10/2017	48.850			17.550		UBND huyện Mỹ Đức	
4	Đường giao thông từ thị trấn Đại Nghĩa đi Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức (từ ngã 5 Tề Tiêu đến công Sắt).	1		1	Thị trấn Đại Nghĩa, xã Hợp Thanh	2019-2020	1800m	2221/QĐ-UBND 04/10/2017; 1911/QĐ-UBND 28/8/2017	49.790			17.000		UBND huyện Mỹ Đức	
X	HUYỆN PHÚC THỌ	4	1	3					124.686			84.250	3		
	<i>Dự án mới</i>	4	1	3					124.686			84.250	3		
X.1	TRƯỜNG HỌC	4	1	3					124.686			84.250	3		
	<i>Dự án mới</i>	4	1	3					124.686			84.250	3		
1	Trường THCS Thọ Lộc giai đoạn 2	1		1	Xã Thọ Lộc	2019-2020	Xây thêm các phòng học chức năng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2661/QĐ-UBND 18/10/2018	14.039			13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường THCS xã Trạch Mỹ Lộc	1		1	Xã Trạch Mỹ Lộc	2019-2020	Xây mới 12 phòng học, cải tạo và xây mới các phòng bộ môn; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2809/QĐ-UBND 30/10/2018	25.080			20.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Phần còn lại Ngân sách Huyện bố trí
3	Trường tiểu học xã Tam Hiệp B	1	1		Xã Tam Hiệp	2019-2020	20 phòng học lý thuyết, 04 phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ	2830/QĐ-UBND 31/10/2018	47.000			29.250		UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bỏ/trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Trường mầm non Long Xuyên (điểm thôn Triệu Xuyên)	1		1	Xã Long Xuyên	2019-2020	Xây mới 12 phòng học, nhà bộ môn, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2808/QĐ-UBND 30/10/2018	38.567			22.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Phần còn lại Ngân sách Huyện bổ trợ
XI	HUYỆN QUỐC OAI	4	1	3					479.121	40.350	40.350	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	2		2					78.996	40.350	40.350	22.200	2		
	Dự án mới	2	1	1					400.125			62.050			
XI.1	GIAO THÔNG	4	1	3					479.121	40.350	40.350	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	2		2					78.996	40.350	40.350	22.200	2		
1	Đường giao thông xã Nghĩa Hương	1		1	Xã Nghĩa Hương	2018-2019	3,09km	7281/QĐ-UBND 13/10/2017	39.965	20.350	20.350	10.700	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông xã Sài Sơn	1		1	Xã Sài Sơn	2018-2019	3880m	8155/QĐ-UBND 30/10/2017	39.031	20.000	20.000	11.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
	Dự án mới	2	1	1					400.125			62.050			
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đông Yên, huyện Quốc Oai	1		1	Xã Đông Yên	2019-2020	3983 m	8241/QĐ-UBND 31/10/2017	31.237			12.900		UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (Tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hòa Thạch - Đông Yên)	1	1		Các xã: Phú Cát, Hòa Thạch, Đông Yên	2019-2020	7,54 km	5079/QĐ-UBND 29/10/2018	368.888			49.150		UBND huyện Quốc Oai	
XII	HUYỆN SÓC SƠN	8	2	6					498.627	344.900		104.250	7		
	Dự án chuyển tiếp	5	2	3					401.771	344.900		31.000	5		
	Dự án mới	3		3					96.856			73.250	2		
XII.1	GIAO THÔNG	7	2	5					456.569	344.900		83.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	5	2	3					401.771	344.900		31.000	5		
1	Xây dựng đường Nội Bài - Đường 35 - Minh Phú	1	1		Từ Nội Bài - Minh Phú	2014-2017	9.955m	5063/QĐ-UBND 28/10/2011	203.252	179.000		19.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu Đồ Tân	1	1		Các xã: Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2015-2016	11000m	5299/QĐ-UBND 26/10/2010; 6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	135.900		5.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Minh Phú - Hiền Ninh - Quang Tiến (đoạn từ tỉnh lộ 35 - UBND xã Hiền Ninh - Đông Lai)	1		1	Các xã: Hiền Ninh, Quang Tiến	2017-2018	3700m	8236/QĐ-UBND 04/10/2017	14.935	11.500		3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường hồ Đồng Quan - Đông Sơn - Trung đoàn 921 - Tỉnh lộ 131	1		1	Xã Quang Tiến	2017-2018	2800m	5501/QĐ-UBND 18/10/2016; 6236/QĐ-UBND 28/7/2017	10.605	8.000		2.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xuân Dục đi 418	1		1	Xã Tân Minh	2017-2018	3100m	5710/QĐ-UBND 28/10/2016; 6240/QĐ-UBND 28/7/2017; 8017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017	12.980	10.500		2.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	Dự án mới	2		2					54.798			52.250	2		

1

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Minh Phú - Minh Trí	1		1	Các xã: Minh Trí, Minh Phú	2019-2020	5204m	3433/QĐ-UBND 30/10/2018	25.514			25.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo VSMT trên địa bàn xã Tân Hưng, Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	1		1	Xã Quang Tiến, Tân Hưng	2019-2020	11,234km	1093/QĐ-UBND 16/5/2018	29.284			27.250	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XII.2	TRƯỜNG HỌC	1		1					42.058			21.000			
	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>		<i>1</i>					<i>42.058</i>			<i>21.000</i>			
1	Xây dựng Trường mầm non Tân Dân khu B	1		1	Xã Tân Dân	2019-2020	Mở rộng diện tích; XD 12 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	8787/QĐ-UBND 31/10/2017	42.058			21.000		UBND huyện Sóc Sơn	
XIII	HUYỆN THẠCH THẮT	3		3					128.473	17.000	17.000	84.250	2		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>		<i>1</i>					<i>73.654</i>	<i>17.000</i>	<i>17.000</i>	<i>52.000</i>	<i>1</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>		<i>2</i>					<i>54.819</i>			<i>32.250</i>	<i>1</i>		
XIII.1	GIAO THÔNG	2		2					103.123	17.000	17.000	72.000	2		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>		<i>1</i>					<i>73.654</i>	<i>17.000</i>	<i>17.000</i>	<i>52.000</i>	<i>1</i>		
1	Tuyến 28: Đường Canh Nậu – Hiệp Thuận	1		1	Các xã: Hương Ngải, Canh Nậu	2018-2020	3700m	6643/QĐ-UBND 31/10/2017	73.654	17.000	17.000	52.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
XIII.2	TRƯỜNG HỌC	1		1					29.469			20.000	1		
	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>		<i>1</i>					<i>29.469</i>			<i>20.000</i>	<i>1</i>		
1	Đường từ trường THCS xã Dị Nậu đi Hiệp Thuận	1		1	Xã Dị Nậu	2019-2020	1617m	4019/QĐ-UBND 31/10/2018	29.469			20.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
XIII.3	VĂN HÓA THỂ THAO	1		1					25.350			12.250			
	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>		<i>1</i>					<i>25.350</i>			<i>12.250</i>			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ và nhà thờ Phùng Khắc Khoan	1		1	Xã Phùng Xá	2019-2020	tu bổ, tôn tạo và mở rộng	3997/QĐ-UBND 30/10/2018	25.350			12.250		UBND huyện Thạch Thất	Tại NQ 15: Trưng tu, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, xã Phùng Xá; Huyện điều chỉnh tên DA
XIV	HUYỆN THANH OAI	6		6					213.197	79.550	78.750	84.250	4		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>4</i>		<i>4</i>					<i>159.632</i>	<i>79.550</i>	<i>78.750</i>	<i>65.500</i>	<i>4</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>		<i>2</i>					<i>53.565</i>			<i>18.750</i>			
XIV.1	GIAO THÔNG	5		5					198.199	79.550	78.750	79.250	4		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>4</i>		<i>4</i>					<i>159.632</i>	<i>79.550</i>	<i>78.750</i>	<i>65.500</i>	<i>4</i>		
1	Đường Cao Viên - Bình Minh	1		1	Các xã: Cao Viên, Bình Minh	2018-2019	800m	2006/QĐ-UBND 16/8/2014; 2476/QĐ-UBND 27/10/2017	30.000	15.400	15.000	12.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Đường trục phát triển Hồng Dương - Liên Châu giai đoạn III	1		1	Xã Liên Châu	2018-2019	2600m	2128/QĐ-UBND 17/12/2014; 1918/QĐ-UBND 15/8/2017	45.000	22.400	22.000	19.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Đường QL 21B - Tân Ước giai đoạn II	1		1	Các xã: Dân Hoà, Tân Ước	2018-2019	3300m	89/QĐ-HĐND 11/7/2017; 2431/QĐ-UBND 19/10/2017	44.830	22.000	22.000	18.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

1

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Đường QL 21B từ Phương Trung đi Đỗ Động	1		1	Các xã: Phương Trung, Đỗ Động	2018-2019	2000m	81/QĐ-HĐND 23/6/2017; 2461/QĐ-UBND 24/10/2017	39.802	19.750	19.750	16.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
	Dự án mới	1		1					38.567			13.750			
1	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu giai đoạn 1	1		1	Các xã: Cao Dương, Xuân Dương	2019-2020	1335m	3074/QĐ-UBND 31/10/2018	38.567			13.750		UBND huyện Thanh Oai	
XIV.2	TRƯỜNG HỌC	1		1					14.998			5.000			
	Dự án mới	1		1					14.998	-	-	5.000			
1	Trường tiểu học Kim Thụ	1		1	xã Kim Thụ	2019-2020	Cải tạo 2 nhà 2T; xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ 3T	2519/QĐ-UBND 31/10/2017	14.998			5.000		UBND huyện Thanh Oai	
XV	HUYỆN THANH TRÌ	2	1	1					191.986	19.000	19.000	64.250	1		
	Dự án chuyển tiếp	1		1					73.982	19.000	19.000	49.800	1		
	Dự án mới	1	1						118.004			14.450			
XV.1	GIAO THÔNG	1		1					73.982	19.000	19.000	49.800			
	Dự án chuyển tiếp	1		1					73.982	19.000	19.000	49.800	1		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tứ Hiệp	1		1	Xã Tứ Hiệp	2018 - 2019	1524m	6111/QĐ-UBND 06/10/2017	73.982	19.000	19.000	49.800	1	UBND huyện Thanh Trì	
XV.2	TRƯỜNG HỌC	1	1						118.004			14.450			
	Dự án mới	1	1						118.004			14.450			
1	Trường THCS Vĩnh Quỳnh	1	1		Xã Vĩnh Quỳnh	2019-2020	Xây dựng mới	87/QĐ-UBND 29/10/2015; 6435/QĐ-UBND 18/10/2017	118.004			14.450		UBND huyện Thanh Trì	
XVI	HUYỆN THƯỜNG TÍN	4	1	3					243.406	25.000	25.000	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	1	1						112.733	25.000	25.000	25.000	1		
	Dự án mới	3		3					130.673			59.250	1		
XVI.1	GIAO THÔNG	2		2					85.678			42.750	1		
	Dự án mới	2		2					85.678			42.750	1		
1	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà (đoạn cầu Vân - Cầu Đen)	1		1	Các xã: Nhị Khê, Khánh Hà	2019	3110m	3501/QĐ-UBND 09/10/2018	24.602			23.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Đường giao thông liên xã Một Thương - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên	1		1	Các xã: Thăng Lợi, Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên	2019-2020	5731m	3723/QĐ-UBND 24/10/2018	61.076			19.750		UBND huyện Thường Tín	
XVI.2	TRƯỜNG HỌC	1		1					44.995			16.500			
	Dự án mới	1		1					44.995			16.500			
1	Trường mầm non Chất lượng cao Thường Tín	1		1	Thị trấn Thường Tín	2019-2020	20 phòng học, các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ	3722/QĐ-UBND 24/10/2018	44.995			16.500		UBND huyện Thường Tín	
XVI.3	VĂN HÓA THỂ THAO	1	1						112.733	25.000	25.000	25.000	1		
	Dự án chuyển tiếp	1	1						112.733	25.000	25.000	25.000	1		

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bỏ tri/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín (Giai đoạn 1)	1	1		Thị trấn Thường Tín	2015-2019	Nhà văn hóa 3 tầng; sân vận động, nhà điều hành	3210/QĐ-UBND-24/10/2012; 3339/QĐ-UBND-30/10/2017	112.733	50.000	25.000	25.000	1	UBND huyện Thường Tín	Đến hết năm 2015 NSThánh phố đã hỗ trợ 16 tỉ đồng. Giai đoạn 2016-2018 NS TP hỗ trợ 75 tỷ để hoàn thành GPMB. Phần còn lại NS Huyện
XVII	HUYỆN ỨNG HÒA	5		5					159.291	44.507	44.507	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	2		2					80.000	44.507	44.507	35.493	2		
	<i>Dự án mới</i>	3		3					79.291			48.757	1		
XVII.1	GIAO THÔNG	5		5					159.291	44.507	44.507	84.250	3		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	2		2					80.000	44.507	44.507	35.493	2		
1	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngõ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngõ Xá, thị trấn Văn Đình	1		1	Xã Liên Bạt, thị trấn Văn Đình	2017-2018	2140m	1228/QĐ-UBND 31/10/2017	30.000	17.000	17.000	13.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường I2-14 liên xã từ Chợ Chông xã Trầm Lộng đi Đại Hùng, Đại Cường, Kim Đường, Đông Lỗ	1		1	Các xã: Trầm Lộng, Đại Hùng, Đại Cường, Kim Đường, Đông Lỗ	2018-2019	2727m	1184/QĐ-UBND 27/10/2017	50.000	27.507	27.507	22.493	1	UBND huyện Ứng Hòa	
	<i>Dự án mới</i>	3		3					79.291			48.757	1		
1	Đường liên xã từ xã Đội Bình, xã Hồng Quang đi xã Tân Sơn tỉnh Hà Nam (Điểm đầu giáp Quốc lộ 21B, điểm cuối Đền Đức Thánh Cả thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang)	1		1	Xã Hồng Quang, TP Hà Nội và xã Tân Sơn, tỉnh Hà Nam	2019-2020	2485,3m	1133/QĐ-UBND 30/10/2018	29.991			17.216		UBND huyện Ứng Hòa	
2	Đường giao thông liên xã Hòa Nam đi Hòa Phú, Hòa Lâm (GD 2)	1		1	Các xã: Hòa Nam, Hòa Phú, Hòa Lâm	2019-2020	3420,10 m	988/QĐ-UBND 26/10/2018	34.302			16.543		UBND huyện Ứng Hòa	
3	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đại Cường - Đông Lỗ	1		1	Các xã: Đại Cường, Đông Lỗ	2019	1634m	939/QĐ-UBND 24/10/2018	14.998			14.998	1	UBND huyện Ứng Hòa	
XVIII	THỊ XÃ SƠN TÂY	7	1	6					316.840	112.500	56.250	106.250	5		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	6	1	5					285.487	112.500	56.250	95.250	5		
	<i>Dự án mới</i>	1		1					31.353			11.000			
XVIII.1	GIAO THÔNG	1		1					31.353			11.000			
	<i>Dự án mới</i>	1		1					31.353			11.000			
1	Đường từ phố Quang Trung đi Đền Và phường Trung Hưng	1		1	Phường Trung Hưng	2019-2020	1580m	930/QĐ-UBND 07/8/2017	31.353			11.000		UBND thị xã Sơn Tây	
XVIII.2	TRƯỜNG HỌC	5		5					165.885	56.250	56.250	73.250	4	Giảm 22 tỷ một dự án KH 2020 tăng 22 tỷ cho 01 dự án KH 2019	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	5		5					165.885	56.250	56.250	73.250	4		
1	Trường mầm non trung tâm xã Cổ Đông	1		1	Xã Cổ Đông	2016-2020	Nhà lớp học 3 tầng	884a/QĐ-UBND 20/7/2017	29.984	12.000	12.000	14.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Trường mầm non Kim Sơn	1		1	Xã Kim Sơn	2017-2019	Nhà lớp học 3 tầng	1268/QĐ-UBND 27/10/2017	26.823	12.000	12.000	12.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	

TT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CT hoàn thành 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Trường THCS Sơn Tây (Giai đoạn 2)	1		1	Phường Quang Trung	2017-2020	Xây dựng 02 nhà lớp học 4 tầng; khối nhà đa năng.	1269/QĐ-UBND 27/10/2017	43.552	17.250	17.250	18.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
4	Trường THCS Phú Thịnh (Giai đoạn 2)	1		1	Phường Quang Trung	2017-2020	Khởi học tập ; Khởi phục vụ học tập nhà đa năng	1288/QĐ-UBND 31/10/2017	36.368	15.000	15.000	20.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
5	Trường Tiểu học Trung Sơn Trầm (GD1)	1		1	Phường Trung Sơn Trầm	2019-2020	Nhà lớp học 3 tầng, phụ trợ (18 phòng học)	695/QĐ-UBND 6/7/2018	29.158			9.250		UBND thị xã Sơn Tây	
XVIII.3	VĂN HÓA THỂ THAO	1	1												
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>	<i>1</i>						119.602	56.250		22.000	1		
									119.602	56.250		22.000	1		
1	Trung tâm văn hoá - thể thao Thị xã Sơn Tây	1	1		TX Sơn Tây	2015-2017	12500 m2 sàn Xd	5310/QĐ-UBND 27/10/2010	119.602	89.250		22.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	tăng 22 tỷ đồng. Đến hết 2017 bố trí 89,25 tỷ đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ
(Kèm theo Báo cáo số: **315** /BC-UBND ngày **21** /11/2018 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 2018		Dự kiến kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	27					737.013	108.000	144.000	376.000	22		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>11</i>					<i>331.009</i>	<i>108.000</i>	<i>144.000</i>	<i>107.500</i>	<i>11</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>16</i>					<i>406.004</i>			<i>268.500</i>	<i>11</i>		
I	Thị xã Sơn Tây	1					34.979	19.000	19.000	11.500	1		
I.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>					<i>34.979</i>	<i>19.000</i>	<i>19.000</i>	<i>11.500</i>	<i>1</i>		
1	Xây dựng phòng khám đa khoa Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2018-2019	2.014,6 m2, 6 tầng	1300/QĐ-UBND 31/10/2017	34.979	19.000	19.000	11.500	1	UBND thị xã Sơn Tây	
II	Huyện Ba Vì	2					52.993		18.000	31.000	2		
II.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>					<i>29.993</i>		<i>18.000</i>	<i>10.000</i>	<i>1</i>		
1	Nâng cấp trường mầm non Sơn Đà A	1	xã Sơn Đà	2018-2019	Xây dựng 06 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	1994/QĐ-UBND 27/11/2011; 2102/QĐ-UBND 31/10/2017	29.993		18.000	10.000	1	UBND huyện Ba Vì	
II.2	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>					<i>23.000</i>			<i>21.000</i>	<i>1</i>		
1	Nâng cấp trường Mầm non Phong Vân	1	xã Phong Vân	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	1925/QĐ-UBND 18/10/2017	23.000			21.000	1	UBND huyện Ba Vì	
III	Huyện Chương Mỹ	2					24.098			13.000	2		
III.1	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>					<i>24.098</i>			<i>13.000</i>	<i>2</i>		
1	Trường mầm non Phú Nam An, xã Phú Nam An	1	Xã Phú Nam An	2019	Nhà lớp học + hiệu bộ 2 tầng diện tích 1242,3 m2, Các hạng mục phụ trợ	9287/QĐ-UBND 28/10/2016	14.995			5.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Phần còn lại NS huyện bố trí
2	Trường Mầm non Nam Phương Tiến B	1	xã Nam Phương Tiến	2019-	Xây dựng nhà lớp học kết hợp bếp và hiệu bộ với 12 phòng, hạng mục phụ trợ	9348/QĐ-UBND 28/10/2016	9.103			8.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
IV	Huyện Đan Phượng	2					24.940			21.700	2		
IV.1	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>					<i>24.940</i>			<i>21.700</i>	<i>2</i>		

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 2018		Dự kiến kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trường Mầm non Trung Châu A	1	Xã Trung Châu	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ,	4681/QĐ-UBND 30/10/2018	14.737			12.700	1	UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường Mầm non Liên Hà (khu B)	1	Xã Liên Hà	2019-2020	Xây khối nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	7620/QĐ-UBND 31/10/2017	10.203			9.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
V	Huyện Đông Anh	1					40.933			20.000			
V.1	Dự án mới	1					40.933			20.000			
1	Xây dựng trung tâm Mầm non Vông La	1	Đông Anh	2018-2020	Xây dựng 14 nhóm lớp	5986/QĐ-UBND 31/10/2018	40.933			20.000		UBND huyện Đông Anh	
VI	Huyện Gia Lâm	2					48.434			30.500	1		
VI.1	Dự án mới	2					48.434			30.500	1		
1	Xây dựng trường mầm non Yên Thường (GD 1)	1	xã Yên Thường	2019-	Xây dựng nhóm lớp học, khu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4595/QĐ-UBND 14/6/2018	42.525			25.500	1	UBND huyện Gia Lâm	Phần còn lại NS huyện bố trí
2	Trạm y tế Trâu Quỳ	1	Gia Lâm	2018-2020	Xây dựng 06 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	3904/QĐ-UBND 04/4/2017; 4481/QĐ-UBND 7/6/2018	5.909			5.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
VII	Huyện Mỹ Đức	1					29.958	9.000	9.000	18.000	1		
VII.1	Dự án chuyển tiếp	1					29.958	9.000	9.000	18.000	1		
1	Trường Mầm non Lê Thanh A	1	Mỹ Đức	2018-2019	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2070/QĐ-UBND 02/10/2014; 1904/QĐ-UBND 25/8/2017	29.958	9.000	9.000	18.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
VIII	Huyện Mê Linh	1					61.505			20.000			
VIII.1	Dự án mới	1					61.505			20.000			
1	Trường THCS Tam Đồng, xã Tam Đồng	1	xã Tam Đồng	2019-2020	Xây dựng 16 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	2617/QĐ-UBND 25/10/2018	61.505			20.000		UBND huyện Mê Linh	
IX	Huyện Phú Xuyên	2					66.040	23.000	23.000	36.000	2		
IX.1	Dự án chuyển tiếp	1					35.957	23.000	23.000	9.000	1		

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 2018		Dự kiến kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trường mầm non trung tâm xã Phượng Dực	1	xã Phượng Dực	2018-2019	Xây dựng 20 phòng học, phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	2913/QĐ-UBND 14/6/2017	35.957	23.000	23.000	9.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
IX.2	Dự án mới	1					30.083			27.000	1		
1	Trường tiểu học Tri Trung	1	xã Tri Trung	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, 04 phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	2180/QĐ-UBND 20/8/2018	30.083			27.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
X	Huyện Phúc Thọ	1					38.267			24.700			
X.1	Dự án mới	1					38.267			24.700			
1	Trường mầm non trung tâm xã Thượng Cốc	1	xã Thượng Cốc	2019-2020	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4334/QĐ-UBND 25/10/2011	38.267			24.700		UBND huyện Phúc Thọ	
XI	Huyện Quốc Oai	2					92.531		25.000	26.500	2		
XI.1	Dự án chuyển tiếp	2					92.531		25.000	26.500	2		
1	Trường tiểu học Sài Sơn A	1	xã Sài Sơn	2018-2019	Xây dựng 12 phòng học, phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	6303/QĐ-UBND 28/8/2017	47.825	36.000		8.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Dự án được bố trí 36 tỷ đồng từ nguồn vốn Thành phố hỗ trợ 42 trường học năm 2017
2	Xây dựng trường mầm non Sài Sơn C	1	xã Taân Hòa	2019-2020	Xây dựng 18 phòng học, phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	8082/QĐ-UBND 30/10/2017; 3749/QĐ-UBND 23/8/2018	44.706	25.000	25.000	18.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
XII	Huyện Sóc Sơn	1					25.395			24.600	1		
XII.1	Dự án mới	1					25.395			24.600	1		
1	Xây dựng trường tiểu học Tân Minh B	1	xã Tân Minh	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	3503/QĐ-UBND 31/10/2018	25.395			24.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XIII	Huyện Thanh Oai	4					79.856	25.000	25.000	33.000	3		
XIII.1	Dự án chuyển tiếp	3					44.477	25.000	25.000	13.000	3		
1	Trường Mầm non trung tâm xã Kim An (khu trung tâm)	1	xã Kim An	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1904/QĐ-UBND 01/10/2016; 1919A/QĐ-UBND 15/8/2017	14.950	8.500	8.500	4.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân đến hết 2018		Dự kiến kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Trường tiểu học xã Thanh Văn	1	xã Thanh Văn	2018-2020	Xây mới 10 phòng học; cải tạo 04 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	2965/QĐ-UBND 03/10/2016; 1920/QĐ-UBND 15/8/2017	14.983	8.500	8.500	4.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Trường tiểu học xã Cự Khê	1	xã Cự Khê	2018-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	3056/QĐ-UBND 08/10/2016	14.544	8.000	8.000	5.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
XIII.2	Dự án mới	1					35.379			20.000			
1	Trường mầm non Cao Viên (điểm trường thôn Đồng)	1	xã Cao Viên	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	2974/QĐ-UBND 24/10/2018	35.379			20.000		UBND huyện Thanh Oai	
XIV	Huyện Thạch Thất	1					30.000			27.000	1		
XIV.1	Dự án mới	1					30.000			27.000	1		
1	Trường mầm non trung tâm Bình Phú A	1	xã Bình Phú	2019 - 2020	Xây dựng 12 phòng học, 2 phòng bộ môn và phụ trợ	3872/QĐ-UBND 26/10/2018	30.000			27.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
XV	Huyện Thường Tín	2					51.372	22.000	15.000	20.000	2		
XV.1	Dự án chuyển tiếp	1					37.902	22.000	15.000	10.000	1		
1	Trường mầm non Văn Phú huyện Thường Tín	1	xã Văn Phú	2018-2019	Xây dựng 13 phòng học, các phòng chức năng, hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ	3287/QĐ-UBND 30/10/2017	37.902	22.000	15.000	10.000	1	UBND huyện Thường Tín	NS huyện đã bố trí 7 tỷ đồng, phần còn lại NS huyện bố trí
XV.2	Dự án mới	1					13.470			10.000	1		
1	Trường tiểu học Nhị Khê	1	xã Nhị Khê	2019 - 2020	Xây dựng 08 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	3392/QĐ-UBND 31/10/2017	13.470			10.000	1	UBND huyện Thường Tín	Phần còn lại NS huyện bố trí
XVI	Huyện Ứng Hòa	2					35.712	10.000	10.000	18.500	2		
XVI.1	Dự án chuyển tiếp	1					25.212	10.000	10.000	9.500	1		
1	Trường Mầm Non trung tâm xã Trầm Lộng	1	xã Trầm Lộng	2018-2019	Xây mới 14 phòng học, nhà hiệu bộ	1193/QĐ-UBND 30/10/2017	25.212	10.000	10.000	9.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	Phần còn lại NS huyện bố trí
XVI.2	Dự án mới	1					10.500			9.000	1		
1	Nâng cấp trường THCS Quảng Phú Cầu	1	xã Quảng Phú Cầu	2019-	Cải tạo phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	1138/QĐ-UBND 30/10/2018	10.500			9.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

Phụ lục I.6

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ ĐẶC THÙ CHO CÁC HUYỆN/THỊ XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 315 /BC-UBND ngày 21 /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế vốn bố trí /giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG			33					539.419	274.650	75.000	141.169	32		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			32					485.778	274.650	75.000	106.169	32		
	<i>Dự án mới</i>			1					53.641			35.000			
I	Huyện Ba Vì			3					59.332	25.000		32.000	3		
I.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			3					59.332	25.000		32.000	3		
	<i>Lĩnh vực giao thông</i>			3					59.332	25.000		32.000	3		
1	Đường giao thông thôn Tam Mỹ, An Hòa xã Tân Lĩnh			1	xã Tân Lĩnh	2016-2019		430/QĐ-UBND 17/3/2017	29.469	13.000		16.000	1	UBND huyện Ba Vì	Các dự án bức xúc của xã Tân Lĩnh
2	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường tỉnh lộ 414 đi Yên Thành			1	xã Tân Lĩnh	2016-2019		1070/QĐ-UBND 19/10/2011	14.932	6.000		8.000	1	UBND huyện Ba Vì	Các dự án bức xúc của xã Tân Lĩnh
3	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường giao thông xã Tân Lĩnh			1	xã Tân Lĩnh	2016-2019		539/QĐ-UBND 31/03/2017	14.931	6.000		8.000	1	UBND huyện Ba Vì	Các dự án bức xúc của xã Tân Lĩnh
II	Huyện Sóc Sơn			30					480.087	249.650	75.000	109.169	29		
II.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			29					426.446	249.650	75.000	74.169	29		
	<i>Lĩnh vực giáo dục đào tạo</i>			6					107.903	78.300		16.576	6		
1	Cụm trường MN Đô Tân, xã Bắc Sơn			1	Xã Bắc Sơn	2016-2019	Xây 12 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	4446/QĐ-UBND 29/8/16	29.842	25.000		3.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	Tăng mức vốn KH2017 tại QĐ 9034 ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố; bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện đầu tư hoàn thành dự án
2	Cụm trường MN Đô Lương-Đa Hội, Bắc Sơn			1	Xã Bắc Sơn	2016-2019	Xây 07 phòng học, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	5617/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	24.159	11.000		3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện đầu tư hoàn thành dự án
3	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Sơn (khu trung tâm)			1	Xã Nam Sơn	2016-2019	Xây nhà thể chất, cải tạo phòng học, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị, PCCC	3768/QĐ-UBND 26/5/17	14.765	9.300		5.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 hỗ trợ huyện thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành
4	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Hồng Kỳ B			1	Xã Hồng Kỳ	2016-2019	XD 10 phòng, 01 khối nhà hiệu bộ; xây dựng các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC và thiết bị	130/QĐ-UBND 19/7/17	10.071	6.800		2.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (1046/QĐ-UBND ngày 11/5/2018), bổ trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
5	Xây dựng Trường mầm non Nam Sơn khu Thanh Hà			1	Nam Sơn	2016-2019	Xây 06 phòng học, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	3774/QĐ-UBND ngày 29/5/2017	14.068	13.000		827	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (1046/QĐ-UBND ngày 11/5/2018), bổ trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
6	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hồng Kỳ			1	Hồng Kỳ	2016-2019	Xây nhà thể chất, cải tạo 03 phòng học, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	5686/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	14.999	13.200		1.749	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2363/QĐ-UBND ngày 15/8/2018), bổ trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
	<i>Lĩnh vực văn hóa</i>			9					39.311	28.900		8.752	9		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí /giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đô Lương, xã Bắc Sơn			1	Xã Bắc Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6134/QĐ-UBND 28/7/17	3.457	3.000		400	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 hỗ trợ huyện thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Hà, xã Nam Sơn			1	Xã Nam Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6717/QĐ-UBND 18/7/17	4.844	3.300		1.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 hỗ trợ huyện thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tiên Chu, xã Bắc Sơn			1	Bắc Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6782/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	6.466	3.300		2.795	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2790/QĐ-UBND ngày 13/9/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Xuân Bàng, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	Cải tạo với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	3777/QĐ-UBND ngày 29/5/2017	3.341	2.100		1.228	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2595/QĐ-UBND ngày 31/8/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn thôn Đông Hạ, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	5257/QĐ-UBND ngày 04/4/2017	2.281	1.600		658	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả (UBND huyện Sóc Sơn đã duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 3733/QĐ-UBND ngày 15/11/2018)
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn			1	Bắc Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6285/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	5.936	5.100		545	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả (UBND huyện Sóc Sơn đã duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 12/11/2018)
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4, xã Hồng Kỳ			1	Hồng Kỳ	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6253/QĐ-UBND ngày 28/7/2017	4.179	3.600		458	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả (UBND huyện Sóc Sơn đã duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 3734/QĐ-UBND ngày 15/11/2018)
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6254/QĐ-UBND ngày 28/7/2017	5.736	4.400		1.036	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2791/QĐ-UBND ngày 31/9/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7, xã Hồng Kỳ			1	Hồng Kỳ	2016-2019	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	5362/QĐ-UBND ngày 12/7/2017	3.071	2.500		332	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2593/QĐ-UBND ngày 31/8/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
Lĩnh vực giao thông				13					265.009	130.150	75.000	47.641	13		
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Thanh Hà, xã Nam Sơn			1	Xã Nam Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	9520a/QĐ-UBND 27/11/17	14.545	12.850		1.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	Tăng mức vốn KH2017 tại QĐ 9034 ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố; bổ sung mức vốn KH2019 để hỗ trợ huyện thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 2)			1	Xã Nam Sơn	2016-2019	L=19,901km	8791/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	58.001	-	40.000	15.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã bố trí vốn hỗ trợ năm 2018 tại Quyết định số 2300 ngày 14/5/2018 của UBND Thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 2)			1	Xã Bắc Sơn	2016-2019	L=16,960km	8790/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	54.315	-	35.000	16.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã bố trí vốn hỗ trợ năm 2018 tại Quyết định số 2300 ngày 14/5/2018 của UBND Thành phố
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (Đoạn 1: Đô Lương - Thành Công; Đoạn 2: UBND xã - Trường mầm non Bắc Sơn)			1	Xã Bắc Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6635/QĐ-UBND 07/8/17	11.898	8.300		3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Hoa Sơn, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	L=8,1km đáp ứng nhu cầu 337ha	6397/QĐ-UBND ngày 10/11/2016	11.399	11.000		149	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Non Chùa, cửa rừng, xóm 15, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	L=5,2km đáp ứng nhu cầu 240ha	5689/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.297	9.000		579	1	UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn bố trí /giải ngân đến hết 31/10/2018		Dự kiến KH năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hồng Kỳ - Lai Sơn - Đa Hội đi Vạn Phái, Thái Nguyên			1	Nam Sơn	2017-2018	L=8,3km; đường GTNT loại A; Bmd=4m; Bn=5,5m	6721a/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	24.968	23.500		164	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2695/QĐ-UBND ngày 07/9/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Đồ Lương, xã Bắc Sơn (giai đoạn 1)			1	Bắc Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6667/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	13.752	11.300		1.798	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2727/QĐ-UBND ngày 11/9/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
9	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Lương Đình, xã Bắc Sơn (giai đoạn 1)			1	Bắc Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6659/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	13.799	12.300		1.336	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (2299/QĐ-UBND ngày 11/9/2018), bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
10	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Lương Đình, xã Bắc Sơn			1	Bắc Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	809/QĐ-UBND ngày 13/4/2018	14.762	10.800		3.335	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã thẩm tra quyết toán; bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Lai Sơn và thôn Nam Lý, xã Bắc Sơn			1	Bắc Sơn	2016-2019	L=4Km; GTNTA, B=5-6m	6651/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	11.662	9.500		1.202	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã thẩm tra quyết toán; bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả
12	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn			1	Nam Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	599/QĐ-UBND ngày 27/3/2018	14.135	11.800		2.157	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã duyệt quyết toán; bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả (Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 22/10/2018)
13	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Tiên Chu, xã Bắc Sơn (giai đoạn 2)			1	Bắc Sơn	2016-2019	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	145/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	11.477	9.800		1.321	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã duyệt quyết toán; bố trí vốn hỗ trợ huyện thanh toán công nợ phải trả (Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/11/2018)
	Lĩnh vực HTKT khác			1					14.222	12.300	-	1.200	1		
I	Xây dựng hệ thống thoát nước trục Lai Sơn - Châu - Đồ Lương và tuyến chợ Châu - Đồ Tân			1	Xã Nam Sơn	2017--2019	L=7km; B=0,4-0,5m; có hầm đan chịu lực	6661/QĐ-UBND 08/8/17	14.222	12.300		1.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	Tăng mức vốn KH2017 tại QĐ 9034 ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố; bố trí vốn KH2019 để đầu tư hoàn thành dự án.
II.2	Dự án mới			1					53.641	-	-	35.000			
	Lĩnh vực giao thông			1					53.641	-	-	35.000			
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 2), huyện Sóc Sơn			1		2019-2020	13.172,98m	3587/QĐ-UBND 31/10/2018	53.641	-		35.000		UBND huyện Sóc Sơn	

Phụ lục I.7
DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019
 (Kèm theo Báo cáo: 315/BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019	CTHT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Riêng năm 2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	4					5.549.080	1.093.000	1.093.000	1.238.000			
I	QUẬN CẦU GIẤY	1					1.337.990	540.000	540.000	530.000			
I.1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1					1.337.990	540.000	540.000	530.000			
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến Khu đô thị mới Dịch Vọng	1	Cầu Giấy	2016-2020	L=420m; B=50m	7587/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.337.990	540.000	540.000	530.000		UBND quận Cầu Giấy	UBND Thành phố chấp thuận cơ chế nguồn vốn tại văn bản: số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007, số 7238/UBND-KT ngày 14/10/2015.
II	QUẬN HOÀNG MAI	2					2.989.157	453.000	453.000	453.000			
II.1	Dự án chuyển tiếp	2					2.989.157	453.000	453.000	453.000			
1	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh	1	Hoàng Mai	2013-2016	L=3,56Km; B=26,75m-55m	5504/QĐ-UBND ngày 28/11/2012	2.066.796	353.000	353.000	353.000		UBND quận Hoàng Mai	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 (theo chấp thuận của UBND TP tại các văn bản số 2508/UBND-KT ngày 10/4/2013, 5410/UBND-KT ngày 29/7/2013, 5143/UBND-KT ngày 01/9/2016 và 1719/UBND-KHĐT ngày 13/4/2017)
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam theo quy hoạch	1	Hoàng Mai	2014-2018	L=3,4Km; B=22,5m-40m	716/QĐ-UBND ngày 01/02/2013	922.361	100.000	100.000	100.000		UBND quận Hoàng Mai	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012
III	QUẬN LONG BIÊN	1					1.221.933	100.000	100.000	255.000			
III.1	Dự án chuyển tiếp	1					1.221.933	100.000	100.000	255.000			
1	Xây dựng tuyến đường 40m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	1	Long Biên	2017-2019	B=40m và Cầu vượt L=401m, B=12m	7588/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.221.933	100.000	100.000	255.000		UBND quận Long Biên	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 29/4/2016

Phụ lục II

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo: 315 /BC-UBND ngày 21 /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung điều chỉnh	Số dự án	Điều chỉnh vốn kế hoạch	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		0	
1	Các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố	15	518.363	Phụ lục II.1
	- Điều chỉnh giảm	4	-32.400	
	- Điều chỉnh tăng	11	550.763	Hoàn ứng NS các quận đã ứng cho các dự án
2	Giảm vốn bố trí cơ công tác chuẩn bị đầu tư các dự án		-100.000	
3	Vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	2	0	Phụ lục II.2
	- Điều chỉnh giảm	1	-15.750	
	- Điều chỉnh tăng	1	15.750	
4	Hoàn trả kinh phí đã tạm ứng từ chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương của một số quận, huyện năm 2013 tại Quyết định số 6604/QĐ-UBND ngày 31/10/2013		354.705	Tổng kinh phí đã ứng năm 2013 là 900 tỷ đồng, đã hoàn trả huyện Từ Liêm 200 tỷ đồng, còn lại 700 tỷ đồng
	- Quận Ba Đình		50.000	Tổng kinh phí đã ứng 100 tỷ đồng
	- Quận Hai Bà Trưng		105.000	Tổng kinh phí đã ứng 250 tỷ đồng
	- Quận Hoàn Kiếm		69.705	Tổng kinh phí đã ứng 190 tỷ đồng
	- Quận Hoàng Mai		30.000	Tổng kinh phí đã ứng 60 tỷ đồng
	- Quận Long Biên		50.000	Tổng kinh phí đã ứng 100 tỷ đồng
	- Quận Thanh Xuân		50.000	Tổng kinh phí đã ứng 200 tỷ đồng
5	Vốn đã giảm trừ của 17 dự án XDCB tập trung tại Quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 14/9/2018, dự kiến bố trí cho 05 dự án xây dựng HTKT tái định cư nhưng chưa bố trí do không kịp hoàn thiện thủ tục trong năm 2018		-375.000	
6	Dự phòng kế hoạch đầu tư công		-398.068	Số vốn dự phòng còn lại chưa phân bổ
7	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù từ nguồn vốn đầu giá từ quyền sử dụng đất	1		Phụ lục II.3
8	Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các hợp phần và dự án thành phần của Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn	1		Phụ lục II.4

1

Phụ lục II.1

BIỂU ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO CÁC DỰ ÁN XDCB TẬP TRUNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo: 315/BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Ước tính khả năng giải ngân vốn KH năm 2018 đến 31/01/2019	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018 (tăng +; giảm -)	Kế hoạch vốn năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	1	11	3					5.844.253	223.000	190.600	518.363	741.363		
I	Điều chỉnh giảm mức vốn đã bố trí		4						320.097	223.000	190.600	-32.400	190.600		
1	Kè chống sạt bờ hữu sông Hồng, khu vực cuối kè An Cảnh, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2020	911m	7576/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	60.197	55.000	51.400	-3.600	51.400	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
2	Gia cố kè chống sạt lở bờ tả sông Hồng thuộc địa phận xã Chu Minh		1		Ba Vì	2018-2019	458m	7563/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	16.127	15.000	13.300	-1.700	13.300	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
3	Gia cố bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống, huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh		1		Gia Lâm, Đông Anh	2008-2020	1205m	7571/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	98.939	98.000	78.700	-19.300	78.700	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
4	Xây dựng trạm bơm Thụy Phú III		1		Phủ Xuyên	215-2018	Tưới cho 4668ha	4337/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	144.834	55.000	47.200	-7.800	47.200	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
II	Bố trí kế hoạch vốn cho các dự án để hoàn trả kinh phí ngân sách các quận đã ứng cho các nhiệm vụ của thành phố trên địa bàn	1	7	3					5.524.156			550.763	550.763		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Ước tính khả năng giải ngân vốn KH năm 2018 đến 31/01/2019	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018 (tăng +; giảm -)	Kế hoạch vốn năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a	QUẬN BA ĐÌNH		1						426.230			125.295	125.295		
1	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã, quận Ba Đình		1		Ba Đình	2011-2015	450,81mx22m	4672/QĐ-UBND 07/10/2011; 1972/QĐ-UBND 04/3/2013 2075/QĐ-UBND 17/4/2014	426.230			125.295	125.295	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Hoàn ứng kinh phí UBND quận Ba Đình đã ứng để GPMB dự án (văn bản số 1785/UBND-TCKH ngày 07/11/2016 của UBND quận Ba Đình); ghi vốn cho Chủ đầu tư làm cơ sở hoàn ứng cho Quận Ba Đình
a	QUẬN CẦU GIẤY	1							969.384			88.681	88.681		
2	Đường Bảo tàng dân tộc học đến đường 32	1			Cầu Giấy	2016-2020	L=420m; B=50m	2542/QĐ-UBND 04/6/2012	969.384			88.681	88.681	UBND quận Cầu Giấy	Quyết định 8425/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND Thành phố
b	QUẬN LONG BIÊN		5						3.772.286			207.130	207.130		
3	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ Thạch Bàn đi khu đô thị mới Thạch Bàn), quận Long Biên		1		Long Biên			4393/QĐ-UBND 03/10/2012	618.752			6.861	6.861	UBND quận Long Biên	Ghi vốn để hoàn trả ngân sách quận đã ứng trước để thực hiện dự án
4	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống, quận Long Biên		1		Long Biên			6893/QĐ-UBND 22/10/2013	497.348			833	833	UBND quận Long Biên	Ghi vốn để hoàn trả ngân sách quận đã ứng trước để thực hiện dự án
5	Xây dựng tuyến đường trên tuyến đê Tả Hồng, Hữu Đuống nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài.		1		Long Biên			6989/QĐ-UBND 25/10/2013	359.933			9.874	9.874	UBND quận Long Biên	Ghi vốn để hoàn trả ngân sách quận đã ứng trước để thực hiện dự án
6	Cải tạo, nâng cấp QL1A đoạn từ cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)		1		Long Biên			1733/QĐ-UBND 25/4/2013	1.582.913			4.697	4.697	UBND quận Long Biên	Ghi vốn để hoàn trả ngân sách quận đã ứng trước để thực hiện dự án

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Ước tính khả năng giải ngân vốn KH năm 2018 đến 31/01/2019	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018 (tăng +; giảm -)	Kế hoạch vốn năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Xây dựng tuyến đường nối từ QL1B vào khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả HTKT hai bên đường)		1		Long Biên			397/QĐ-UBND 27/6/2013	713.340			184.865	184.865	UBND quận Long Biên	Ghi vốn để hoàn trả ngân sách quận đã ứng trước để thực hiện dự án
d	QUẬN HAI BÀ TRUNG		1	3					356.256			129.657	129.657		
8	Xây dựng, mở rộng đường nối từ cuối phố Thế Giao đến Lê Đại Hành			1	Hai Bà Trưng			397/QĐ-KH&ĐT ngày 30/11/2011	2.592			1.241	1.241	UBND quận Hai Bà Trưng	QĐ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư số 5978/QĐ-STC ngày 01/11/2013 của Sở Tài chính
9	Di dân GPMB chùa Vân Hồ			1	Hai Bà Trưng			397/QĐ-KH&ĐT ngày 30/11/2012	6.166			1.198	1.198	UBND quận Hai Bà Trưng	QĐ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư số 7561/QĐ-STC ngày 24/12/2014 của Sở Tài chính
10	Xây dựng, cải tạo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật đường Bạch Đằng - Lãng Yên			1	Hai Bà Trưng			397/QĐ-KH&ĐT ngày 30/11/2013	22.354			17.969	17.969	UBND quận Hai Bà Trưng	1651/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 và 5210/QĐ-UBND ngày 18/12/2013
11	Xây dựng đường Thanh Nhàn		1		Hai Bà Trưng			397/QĐ-KH&ĐT ngày 30/11/2014	325.144			109.249	109.249	UBND quận Hai Bà Trưng	847/QĐ-UBND ngày 24/3/2014; 2967/QĐ-UBND ngày 17/9/2014; 2240/QĐ-UBND ngày 24/6/2015



Phụ lục II.2
BIỂU ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ MỤC TIÊU NĂM 2018
 (Kèm theo Báo cáo: 315 /BC-UBND ngày 21 /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân vốn đến 31/01/2018	Kế hoạch vốn năm 2018 đã được giao	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2018 đến 20/10/2018	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018 (tăng +/giảm -)	Kế hoạch vốn năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú (ghi tóm tắt tiến độ thực hiện; lý do tăng, giảm vốn)
						Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	2					93.208	100	15.750					
A	Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	1					44.701	100	15.750		-15.750	-15.750		
I	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba chợ Bún đến dốc đê Bát Tràng, huyện Gia Lâm	1	huyện Gia Lâm	2018-2019	1314m	8330/QĐ-UBND 29/6/2017	44.701	100	15.750		-15.750	-15.750	UBND huyện Gia Lâm	Đã dừng thực hiện và đã được HĐND TP chấp thuận thay thế danh mục HTMT bằng DA "Xây dựng trường mầm non đô thị Đặng Xá, H. Gia Lâm"
B	Đề xuất bổ sung kế hoạch vốn năm 2018	1					48.507				15.750	15.750		
III	Các dự án ngoài danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (không có trong danh mục kế hoạch năm 2018) đề nghị bổ sung danh mục và kế hoạch vốn	1					48.507				15.750	15.750		
I	Xây dựng trường mầm non đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1	huyện Gia Lâm	2018-2020	14 nhóm lớp, hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ, trạng thiết bị	4274/QĐ-UBND 30/5/2018	48.507				15.750	15.750	UBND huyện Gia Lâm	Đã được HĐND TP chấp thuận thay thế dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba chợ Bún đến dốc đê Bát Tràng, huyện Gia Lâm; bổ trí vốn năm 2018 để thiết kế thi công TĐT và GPMB

Phụ lục II.3

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ
TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo: 315 /BC-UBND ngày 24 /11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

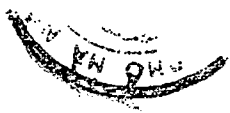
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	1							2.066.796	353.000		
	QUẬN HOÀNG MAI	1							2.066.796	353.000		
1	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh	1			Hoàng Mai	2013-2016	L=3,56Km; B=26,75m-55m	5504/QĐ-UBND 28/11/2012	2.066.796	353.000	UBND quận Hoàng Mai	Bao gồm, hoàn trả NS Quận đã ứng (theo chấp thuận của UBND TP tại các văn bản số 2508/UBND-KT ngày 10/4/2013, 5410/UBND-KT ngày 29/7/2013, 5143/UBND-KT ngày 01/9/2016 và 1719/UBND-KHĐT ngày 13/4/2017). Cơ chế dự án được UBND Thành phố chấp thuận tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012

Phụ lục II.4
ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2018 CHO CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ TẠI 8 TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị: Triệu đồng																			
Stt	Danh mục dự án thành phần	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m3/ngđ)	Thời gian thực hiện	Dự án được duyệt		Lũy kế vốn đã được cấp đến hết 2017		Đã phân bổ kế hoạch năm 2018 (tại QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 15/8/2018)			Đề nghị điều chỉnh			Sau khi điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày quyết định DA	TMDT	Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Tổng số	Vốn ĐTPT		Tổng số	Vốn ĐTPT		Tổng số	Vốn ĐTPT			
										Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG					745.644	370.900	370.900	106.500	71.000	35.500	4.000		4.000	110.500	71.000	39.500		Kế hoạch năm 2018, Chương trình được bổ tri vốn ODA vay lại là 77.562 triệu đồng
	Hợp phần I: Cải thiện điều kiện cấp nước					723.014	348.770	348.770	106.500	71.000	35.500	-6.475	-10.475	4.000	100.025	60.525	39.500		
1	Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân huyện Ba Vì	Ba Vì	2.800	2014-2015	1494/QĐ-UBND ngày 18/3/2014	82.433	68.031	68.031	5.718	3.812	1.906	2.530	2.858	-328	8.248	6.670	1.578	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã phê duyệt quyết toán, bổ tri vốn thanh toán nợ phải trả
	Vốn ODA					72.747	60.719	60.719	5.718	3.812	1.906	2.530	2.858	-328	8.248	6.670	1.578		
	Vốn trong nước					9.686	7.312	7.312											
2	Dự án cấp nước liên xã Tam Hưng, Thanh Thủy huyện Thanh Oai	Thanh Oai	3.500	2015-2016	2775/QĐ-UBND ngày 15/4/2014	94.764	50.793	50.793	27.000	18.000	9.000	-11.221	-9.722	-1.499	15.779	8.278	7.501	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đang đã hoàn thành
	Vốn ODA					83.660	46.818	46.818	27.000	18.000	9.000	-11.221	-9.722	-1.499	15.779	8.278	7.501		
	Vốn trong nước					11.104	3.975	3.975											
3	Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ	2.600	2015-2016	7259/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	97.799	46.672	46.672	34.782	23.188	11.594	-8.753	-7.201	-1.552	26.029	15.987	10.042	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã phê duyệt quyết toán, bổ tri vốn thanh toán nợ phải trả
	Vốn ODA					85.816	40.629	40.629	34.782	23.188	11.594	-8.753	-7.201	-1.552	26.029	15.987	10.042		
	Vốn trong nước					11.983	6.043	6.043											
4	Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Hồng Vân, Thụ Phú, Hà Hồi, Văn Tảo huyện Thường Tín	Thường Tín	4.900	2015-2016	5293/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	168.481	64.429	64.429	39.000	26.000	13.000	-15.243	-9.501	-5.742	23.757	16.499	7.258	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đang đã hoàn thành
	Vốn ODA					149.740	58.471	58.471	39.000	26.000	13.000	-15.243	-9.501	-5.742	23.757	16.499	7.258		
	Vốn trong nước					18.741	5.958	5.958											
5	Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp huyện Phúc Thọ	Phúc Thọ	2.950	2015-2016	1868/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	97.931	60.419	60.419				13.243	5.670	7.573	13.243	5.670	7.573	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã phê duyệt quyết toán, bổ tri vốn thanh toán nợ phải trả
	Vốn ODA					83.727	52.370	52.370				13.243	5.670	7.573	13.243	5.670	7.573		
	Vốn trong nước					14.204	8.049	8.049											
6	Dự án cấp nước sạch xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức	Mỹ Đức	3.500	2015-2016	2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2014	92.018	55.484	55.484				12.831	7.310	5.521	12.831	7.310	5.521	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã phê duyệt quyết toán, bổ tri vốn thanh toán nợ phải trả

Stt	Danh mục dự án thành phần	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m3/ngđ)	Thời gian thực hiện	Dự án được duyệt		Lũy kế vốn đã được cấp đến hết 2017		Đã phân bổ kế hoạch năm 2018 (tại QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 15/8/2018)			Đề nghị điều chỉnh			Sau khi điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày quyết định DA	TMDT	Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Tổng số	Vốn ĐTPT		Tổng số	Vốn ĐTPT		Tổng số	Vốn ĐTPT			
										Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		Vốn TW cấp phát	Vốn NSTP vay lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Vốn ODA					80.993	49.081	49.081											
	Vốn trong nước					11.025	6.403	6.403				12.831	7.310	5.521	12.831	7.310	5.521		
7	Dự án cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng huyện Mê Linh	Mê Linh		2015-2016	280/QĐ-UBND ngày 20/1/2015	89.588	2.942	2.942				138	111	27	138	111	27	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã phê duyệt quyết toán, bố trí vốn thanh toán nợ phải trả
	Vốn ODA						2.942	2.942				138	111	27	138	111	27		
	Vốn trong nước																		
II	Hợp phần II: Cải thiện điều kiện vệ sinh					22.630	22.130	22.130				10.475	10.475		10.475	10.475			
1	Vệ sinh trường học					19.700	19.200	19.200				8.925	8.925		8.925	8.925			
a	Sở Giáo dục và đào tạo					10.375	9.875	9.875				833	833		833	833			Dự án đã được cấp vốn và giải ngân, đề nghị điều chỉnh để thực hiện ghi thu ghi chi theo qui định
b	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - xã hội thành phố					9.325	9.325	9.325				8.092	8.092		8.092	8.092			Dự án đã được cấp vốn và giải ngân, đề nghị điều chỉnh để thực hiện ghi thu ghi chi theo qui định và thực hiện thi công phần còn lại
2	Vệ sinh trạm y tế					2.930	2.930	2.930				1.550	1.550		1.550	1.550		Sở Y tế	Dự án đã được cấp vốn và giải ngân, đề nghị điều chỉnh để thực hiện ghi thu ghi chi theo qui định và thực hiện thi công phần còn lại



 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội

